SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 07 năm 2022)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 833/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ : 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại : (84.256) 3892363 Fax: (84.256) 3891783
Website : www.quynhonport.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Trụ sở chính: Tầng 8,9 Toà nhà Thái Holdings, 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 239352722 Fax: (84.4) 222200669
Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin

Ông : **Lê Hồng Quân** Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84.256) 3892363 Fax: (84.256) 3891783

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28/07/2022)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	**: Cổ phiếu CTCP Cảng Quy Nhơn**
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	**: QNP**
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	**: 40.409.950 cổ phiếu** (*Bốn mươi triệu bốn trăm lẻ chín ngàn chín trăm năm mươi cổ phiếu)*
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	**: 404.099.500.000 đồng** (*Bốn trăm lẻ bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 8,9 Toà nhà Thái Holdings, 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669
Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Năm 2018: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VACO

Địa chỉ : Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (024) 3577 0781 Fax: (024) 3577 0787
Website : www.vaco.com.vn

Năm 2019: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 5, Tháp B2 Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 5678 3999 Fax: (024) 5678 3999
Website : www.uhy.vn

Năm 2020-2022: Công ty TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 8241990 Fax: (024) 8253973
Website : www.aasc.com.vn

Năm 2023: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 5, Tháp B2 Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 5678 3999 Fax: (024) 5678 3999
Website : www.uhy.vn

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7

1. Rủi ro về kinh tế 7

2. Rủi ro về luật pháp 10

3. Rủi ro đặc thù: 10

4. Rủi ro khác 12

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI 13

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 13

1. Tổ chức niêm yết 13

2. Tổ chức tư vấn 13

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM 14

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 15

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 15

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 15

1.2. Ngành nghề kinh doanh 15

1.3. Quá trình hình thành và phát triển 17

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ 19

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty 19

2.1. Cơ cấu tổ chức 19

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 21

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; và Cơ cấu cổ đông 27

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 25/12/2023 27

3.2. Cơ cấu cổ đông 28

3.3. Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 28

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 28

4.1. Danh sách Công ty mẹ của QNP 28

4.2. Danh sách các công ty con của QNP 28

4.3. Danh sách công ty liên kết của QNP 29

4.4. Danh sách công ty do QNP nắm quyền kiểm soát và chi phối *29*
5. Hoạt động kinh doanh 29
5.1. Sản lượng, sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm *29*
5.2. Nguyên vật liệu *35*
5.3. Chi phí sản xuất *35*
5.4. Trình độ công nghệ *37*
5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm/dịch vụ mới *38*
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ *39*
5.7. Hoạt động Marketing *39*
5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền *41*
5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết *41*
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2020 đến 2022 44
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất *44*
6.2. Thông tin về việc điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 ..... *45*
6.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo *49*
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 50
7.1. Vị thế của công ty trong ngành *50*
7.2. Triển vọng phát triển của ngành *52*
7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành *54*
7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới. *56*
8. Chính sách đối với người lao động 58
8.1. Số lượng và cơ cấu lao động *58*
8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp *58*
9. Chính sách cổ tức 60
9.1. Các chỉ tiêu cơ bản *61*
10. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGĐ và Kế toán trưởng 67
10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị *67*
10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát *74*
10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGĐ và KTT *77*

11. Tài sản 82
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 85
12.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 86
12.2. Kế hoạch đầu tư dự án đang trình HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua 93
12.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ: 95
13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 95
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 96
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết 96
16. Thông tin thực hiện kết luận của thanh tra chính phủ về cổ phần hoá Cảng Quy Nhơn 99
17. Thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trở thành cổ đông lớn. 101
PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 102
1. Loại chứng khoán 102
2. Mệnh giá 102
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 102
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết 102
5. Phương pháp tính giá 103
5.1. Giá trị sổ sách của Công ty 103
5.2. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E 104
5.3. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B 105
5.4. Giá đấu thành công bình quân của đợt đấu giá bán cổ phần ngày 12/09/2013 106
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 107
7. Các loại thuế có liên quan 108
7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết 108
7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán 108
PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 131
PHẦN 7. PHỤ LỤC 132

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các Nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết khi các Nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên hoạt động kinh doanh của Cảng Quy Nhơn chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự phát triển kinh tế và tình hình thương mại của Việt Nam và thế giới.

❖ ***Tăng trưởng kinh tế***

Đơn vị: %

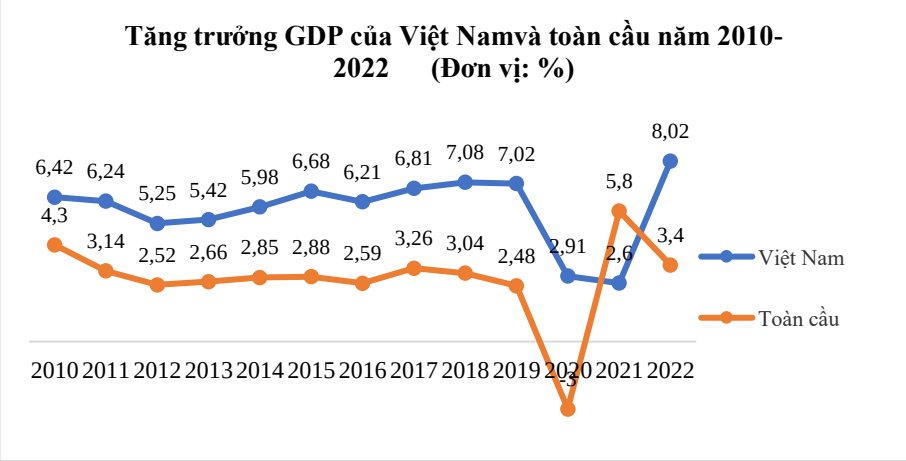

Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng Thế giới (World Bank), IMF, Tổng cục thống kê

Những năm vừa qua, Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 12 năm giai đoạn 2010 – 2022 là khoảng 5,71%, hơn gấp đôi mức bình quân của thế giới cùng giai đoạn, ở mức 2,97%[1]. Cùng với làn sóng dịch chuyển hệ thống nhà xưởng từ Trung Quốc do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn chưa hạ nhiệt, Việt Nam càng thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hơn nữa, việc Việt Nam thỏa thuận và ký kết thành công nhiều hiệp định đa phương, song phương càng góp phần làm gia tăng đáng kể sự giao thương hàng hóa giữa Việt Nam và các nước.

Từ năm 2022 đến nay, mặc dù nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng tích cực song vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là những ảnh hưởng đến từ diễn biến bất định của tình hình chính trị và kinh

[1] Công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022. Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2022/12/hop-bao-cong-bo-so-lieu-thong-ke-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>.

tế thế giới. Những yếu tố bất ổn từ tăng trưởng kinh tế sẽ mang đến nhiều thách thức cho Cảng Quy Nhơn nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

Tuy nhiên, điểm sáng trong kinh tế Việt Nam vẫn được thể hiện qua nội lực kinh tế mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2022 tiếp tục đạt mức cao ở ngưỡng 8,02% so với cùng kì năm trước, lập kỷ lục trong hơn 10 năm qua, trong đó quý 3/2022 đạt mức tăng kỷ lục 13,67%, do quý 3/2021 là thời điểm dịch COVID-19 bùng phát mạnh[2]. Với những giải pháp quyết liệt về mặt kinh tế và y tế của Chính Phủ Việt Nam, Ngân hàng Thế giới (WB) dự đoán tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt mức 6,3% trong năm 2023, mức cao nhất trong nhóm ASEAN-5 (gồm các nền kinh tế mới nổi trong ASEAN là Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan)[3].

❖ ***Lạm phát***

Tỷ lệ lạm phát tại Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2022 (đơn vị: %)

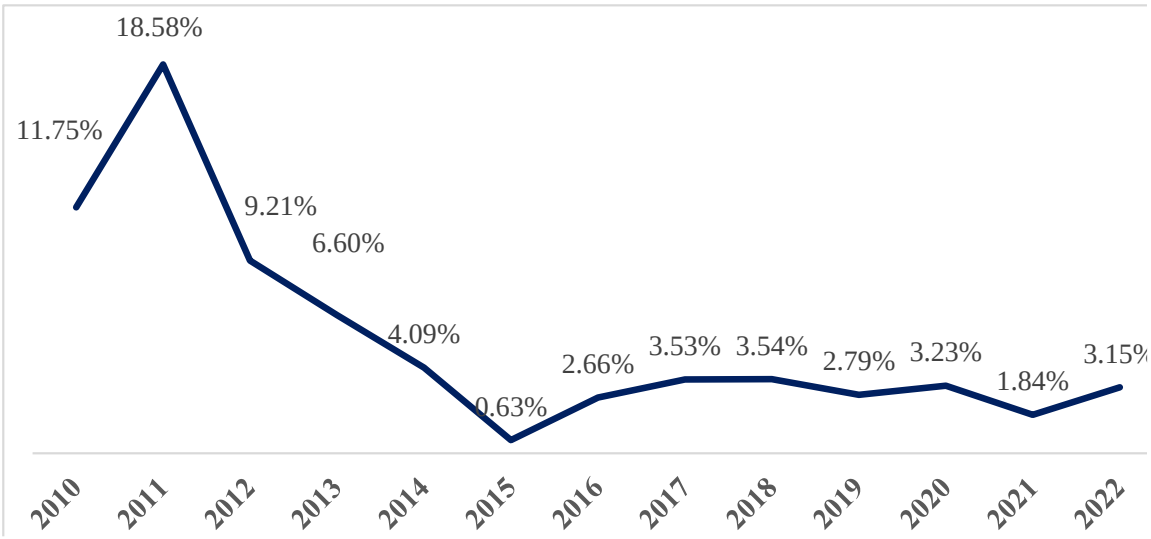

Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá cả hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Và ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền

[2] Điểm sáng tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022. Tổng cục Thông Kê Việt Nam (2022), <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/01/diem-sang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>.

[3] WorldBank: Báo cáo cập nhật kinh tế Việt Nam tháng 3/2023. Ngân hàng Thế Giới,

<https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2023/03/13/vietnam-s-economy-forecast-to-grow-by-6-3-in-2023-world-bank-report-says>.

kinh tế, đi kèm với sự suy giảm của nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế. Năm 2011, Việt Nam có tỷ lệ lạm phát là 18,58%, cao nhất trong giai đoạn 2010 - 2020 [4]. Trong giai đoạn 2011 - 2015, nhờ việc áp dụng đồng bộ các chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt, đồng thời thúc đẩy việc sản xuất, gia tăng hàng xuất khẩu và kiểm soát nhập siêu,… lạm phát có xu hướng giảm và đạt mức thấp kỷ lục vào năm 2015, tương ứng 0,63%. Trong giai đoạn từ năm 2016 - 2021 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn được giữ ổn định ở mức dưới 4%.

Theo báo cáo Tổng cục Thống kê cho thấy, lạm phát năm 2022 của Việt Nam đạt 3,15% tăng 1,31% so với cùng kỳ năm 2021[5]. Xu hướng lạm phát lan rộng trên toàn thế giới cũng có những tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam trong năm 2023, đặc biệt là lạm phát xuất phát từ việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao. Dự báo những tháng còn lại của năm 2023, nền kinh tế vẫn phải đương đầu với áp lực lạm phát ngày càng tăng do lạm phát các nước trên thế giới tăng cao trong khi độ mở nền kinh tế Việt Nam rất lớn. Tuy nhiên Chính phủ vẫn luôn quyết tâm kiểm soát lạm phát bằng các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô thận trọng, linh hoạt phối hợp với các công cụ kinh tế khác nhằm bảo đảm ổn định mặt bằng giá đặc biệt là giá lương thực, thực phẩm và các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu.

❖ ***Lãi suất***

Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Cảng Quy Nhơn nói riêng. Về phía Công ty, rủi ro lãi suất có thể xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi, ….

Trên thực tế, trong những năm gần đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) luôn đưa ra thông điệp điều hành chính sách lãi suất linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ và các chính sách khác nhằm bảo đảm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô cũng như ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Trong năm 2022, toàn thế giới có hơn 90 lượt tăng lãi suất từ nhiều quốc gia. Trong đó, các nước phát triển bao gồm Mỹ và EU có mức độ tăng lớn nhưng số lần tăng không nhiều. Trái lại, các nước đang phát triển tăng lãi suất rất nhiều lần nhưng mức tăng chỉ nhỏ giọt, khoảng

[4] Báo cáo thường niên 2010 – 2020, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/apph/bctn?_afrLoop=26270583935669023#%40%3F_afrLoop%3D26270583935669023%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D1082441fdm_4>

[5] Thông cáo báo chí về tình hình giá tháng 12, quý IV và năm 2022. Tổng cục Thống kê Việt Nam, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-12-quy-iv-va-nam-2022/>.

0,2%/lần. Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã 5 lần điều chỉnh tăng lãi suất mục tiêu lên mức 3 - 3,25%/năm khiến đồng USD liên tục tăng giá, gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỉ giá trong nước. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước với các chính sách linh hoạt đã giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định, lãi suất tiền gửi và cho vay mới có xu hướng giảm dần (lãi suất tiền gửi bình quân của các ngân hàng thương mại ở mức khoảng 5,8%/năm - giảm 0,7% so với cuối năm 2022; lãi suất cho vay bình quân VND ở mức khoảng 8,9%/năm - giảm 1,0%/năm so với cuối năm 2022), tuy nhiên khi áp lực về lạm phát và tỷ giá vẫn còn rất lớn có thể khiến dư địa giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước bị thu hẹp.

❖ ***Tỷ giá***

Doanh thu cung cấp dịch vụ về cảng biển là doanh thu chủ yếu của Công ty. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh mà cước phí các loại dịch vụ Công ty hiện đang cung cấp được các khách hàng thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ. Nguồn doanh thu này chịu ảnh hưởng khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ.

Bên cạnh đó, hầu hết các thiết bị, phương tiện của cơ sở hạ tầng cảng biển là thiết bị chuyên dụng và được nhập khẩu từ nước ngoài và hoạt động kinh doanh xăng dầu chiếm khoảng 16-17% doanh thu thuần của Công ty, nên sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng cả về chi phí và doanh thu của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Các văn bản dưới luật còn nhiều chồng chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện nay, hoạt động khai thác của Công ty chịu sự quản lý, chi phối tác động tương đối lớn của các cơ quan quản lý Nhà nước, chủ yếu là về điều kiện khai thác cầu cảng, thời gian tàu ra vào, quy định hàng hải trong luồng tàu, chân hoa tiêu.

Bên cạnh việc bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu như Luật Hàng hải, Luật Doanh nghiệp và nhiều văn bản pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy..., Công ty còn phải tuân thủ các điều ước, thỏa ước quốc tế vì đối tượng phục vụ phần lớn bao gồm các hãng tàu từ khắp nơi trên thế giới.

3. Rủi ro đặc thù:

❖ ***Rủi ro về ngành***

Rủi ro địa hình tự nhiên

Luồng vào Cảng Quy Nhơn là luồng một chiều nên tồn tại rủi ro cảng không hoạt động được nếu có phát sinh sự cố trên luồng làm tắc nghẽn luồng. Hiện tại, quy định điều kiện khai thác tuyến Luồng hàng hải Quy Nhơn là luồng hành hải một chiều, được phép đón tàu có chiều dài (L.O.A) 200 mét ra vào luồng 24h/24h, độ sâu luồng là 11 mét tính từ mực nước số "0" hải đồ.

Rủi ro về cạnh tranh

Số lượng cảng biển ở Việt Nam rất nhiều nên phí dịch vụ bị cạnh tranh rất gay gắt. Tại các cảng biển Việt Nam hiện nay, với quy định giá sàn hiện tại theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam, vì cạnh tranh lẫn nhau, các cảng hầu hết đều đang thu các hãng tàu nước ngoài với giá sàn.

Đồng thời, Công ty phải đối mặt với rủi ro đối thủ cạnh trạnh phát triển nhanh hơn hoặc có những lợi thế khác biệt. Các cảng biển đối thủ có thể tiến hành đầu tư các trang thiết bị xếp dỡ với công nghệ hiện đại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật toàn diện và đồng bộ, cung cấp một chuỗi cung ứng logictics trọn gói (từ cung ứng xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi, thủ tục thông quan, vận chuyển) một cách nhanh chóng... Như vậy, để luôn giữ vững năng lực cạnh tranh, Công ty phải chịu áp lực rất lớn để nâng cấp hạ tầng và dịch vụ của mình.

Trong khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, sẽ có thêm Cảng Bắc Vân Phong, Cảng Nam Vân Phong là những Cảng có điều kiện đón tầu lớn đến 70.000 DWT sẽ cạnh tranh ở các mặt hàng dăm gỗ, viên gỗ nén, container với Cảng Quy Nhơn. Đây là những cảng tư nhân và có năng lực tài chính mạnh.

Ngoài ra, trong tình hình dịch bệnh hiện nay, nếu xảy ra cách ly cục bộ giữa các địa phương lân cận có phương tiện vận chuyển đến cảng, khách hàng có thể chuyển tàu sang cảng khác để xếp dỡ, gây ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

❖ ***Rủi ro Công ty***

Cảng Quy Nhơn là cảng tổng hợp với sản lượng hàng ngoài container chiếm từ 75% - 80% nên hoạt động cảng phụ thuộc khá lớn vào con người (lao động phổ thông chiếm 70% cơ cấu lao động của Công ty). Rủi ro về lực lượng lao động xảy ra khi không xử lý kịp thời xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động dẫn đến người lao động lãng công hoặc đình công làm gián đoạn hoạt động xếp dỡ của cảng.

Thêm vào đó, nếu xảy ra trường hợp dịch bệnh không được kiểm soát, có người lao động bị nhiễm bệnh, hoạt động của Công ty có thể bị đình trệ vì thiếu lao động hoặc trường hợp xấu nhất là Công ty phải tạm ngừng hoạt động để cách ly tập trung toàn bộ công nhân viên.

❖ ***Rủi ro về lĩnh vực hoạt động***

Rủi ro về phương tiện, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa

Công ty chịu một số rủi ro về phương tiện, thiết bị xếp dỡ như phương tiện, thiết bị được đầu tư đã lâu, cơ cấu nguồn hàng thay đổi một số phương tiện ít hoạt động trong khi số khác đang bị quá tải; phương tiện, thiết bị được sử dụng với tần suất cao nên thời gian bảo dưỡng ngắn dẫn đến rủi ro xảy ra hỏng hóc thường xuyên làm gián đoạn hoạt động xếp dỡ và gây chi phí sửa chữa lớn.

Rủi ro trong quy hoạch kho bãi tổng hợp và bảo quản hàng hóa

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi phụ thuộc nhiều vào nguồn hàng hiện hữu. Do vậy, khi cơ cấu nguồn hàng thay đổi, cơ sở hạ tầng không thể đáp ứng kịp thời làm mất cơ hội khai thác hàng mới (ví dụ chuyển từ bãi hàng rời sang bãi hàng container). Hơn nữa, mỗi loại hàng hóa có đặc tính lý -hóa khác nhau nên một kho bãi lớn chung sẽ khó đáp ứng yêu cầu bảo quản khác nhau của các loại hàng hóa (Cảng Quy Nhơn là cảng tổng hợp nên kho chỉ đáp ứng các loại hàng hóa có nhu cầu lưu kho cơ bản như che nắng mưa, chống mất cắp…)

Rủi ro hàng tồn đọng

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hàng tồn đọng tại kho của cảng không giải phóng được như: người nhập từ chối nhận hàng vì hàng hóa không đạt chất lượng hay không đúng mẫu mã, thời gian làm thủ tục dài, chi phí phát sinh cao....; hoặc hàng hóa phải giữ để xử lý vi phạm. Trong trường hợp này, các cảng giữ hàng có thể đối mặt rủi ro chi phí lưu bãi, kiểm định hàng hóa tồn đọng không được bù đắp nếu không đấu giá được hàng tồn đọng hoặc doanh thu từ việc bán hàng tồn đọng thấp hơn các chi phí. Việc phải giải quyết tình trạng hàng tồn đọng là một vấn đề gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn… là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Nguyễn Quang Dũng** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông **Lê Hồng Quân** Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Kim Toàn** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông **Đỗ Tuấn Nam** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông **Phạm Xuân Anh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền theo Quyết định số 461/QĐ-BSC ngày 19/7/2023 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (**BSC**) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (**QNP**). Chúng tôi ý thức rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn cung cấp.

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch có nội dung như sau:

• UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
• SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
• Tổ chức đăng ký niêm yết, Công ty, QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
• Tổ chức tư vấn niêm yết, BSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
• Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng quản trị
• BKS	Ban kiểm soát
• CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
• VNĐ	Đồng Việt Nam
• TTS	Tổng tài sản
• VĐL	Vốn điều lệ
• VCSH	Vốn chủ sở hữu
• HĐKD	Hoạt động kinh doanh
• DTT	Doanh thu thuần
• LNTT	Lợi nhuận trước thuế
• LNST	Lợi nhuận sau thuế
• KHCN	Khoa học Công nghệ
• CFS	Container Freight Station, thường gọi là điểm gom hàng lẻ

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**
Tên tiếng Anh:	Quy Nhon Port Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Cảng Quy Nhơn
Logo:	
Mã chứng khoán	QNP
Trụ sở chính:	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại:	(0256) 3892363
Fax:	(0256) 3891783
Website:	http://quynhonport.vn
Vốn điều lệ	404.099.500.000 đồng (Bằng chữ: *Bốn trăm lẻ bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*)
Giấy Đăng ký doanh nghiệp	Số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28/07/2022 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển số 95/2020/GCN-CHHVN ngày 25/06/2020
Người đại diện theo pháp luật	Lê Hồng Quân – Tổng Giám đốc

1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển	5222
2	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển	4711
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

	Chi tiết: Dịch vụ ăn uống	
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan	5210
5	Bốc xếp hàng hóa	5224
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức	5229
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu	4669
8	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu	4730
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí	2592
10	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí	2599
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
12	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ	4520
13	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy	3315
14	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng	4299
16	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều	6810

	hành, quản lý nhà và đất không để ở.	
18	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4101
19	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4102
20	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ	1629

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ cảng biển

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 19/01/1976, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 222/QĐ-TC về việc thành lập Cảng Quy Nhơn, giao Cục đường biển trực tiếp quản lý.

Ngày 02/07/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 1332/QĐ-TCCB-LĐ thành lập Doanh nghiệp nhà nước Cảng Quy Nhơn trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.

Ngày 06/07/2009, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 1936/QĐ-BGTVT về việc chuyển Cảng Quy Nhơn về làm thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31/10/2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã có quyết định số 804/QĐ-HĐQT về việc chuyển Cảng Quy Nhơn – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn.

Với chủ trương của Đảng – Nhà nước chuyển đổi mô hình sản xuất từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015. Ngày 15/03/2013, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ra Quyết định số 103/QĐ-HHVN của về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa năm 2013. Ngày 22/07/2013, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã có Quyết định số 336/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn thành công ty cổ phần. Với sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

Một số thành tích tiêu biểu Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đạt được:

STT	Hình thức	Nội dung khen thưởng	Đơn vị khen thưởng	Số quyết định	Năm ban hành
1.	Huân	Huân chương Lao động hạng Nhì	Chủ tịch	872KT/	1992

	chương		nước	HĐNN	
2.	Huân chương	Huân chương Lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước	937KT/ CT	1996
3.	Huân chương	Huân chương Độc lập hạng Ba	Chủ tịch nước	994KT/ CTN	2001
4.	Huân chương	Huân chương Độc lập hạng Nhì	Chủ tịch nước	77QĐ/C TN	2006
5.	Cờ thi đua Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Giao thông vận tải năm 2004	Thủ tướng chính phủ	138/QĐ-TTg	25/02/2005
6.	Bằng khen	Đã có nhiều thành tích thực hiện công tác thương binh liệt sĩ trong phong trào" Đền ơn đáp nghĩa", góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng chính phủ	100/QĐ-TTg	22/01/2008
7.	Huân chương	Huân chương Độc lập hạng Nhất	Chủ tịch nước	1564QĐ /CTN	2010
8.	Cờ thi đua xuất sắc năm 2010	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua ngành Giao thông vận tải năm 2010	Bộ giao thông vận tải	107/QĐ-BGTVT	19/01/2011
9.	Cờ thi đua xuất sắc năm 2011	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua ngành Giao thông vận tải năm 2011	Bộ giao thông vận tải	37/QĐ-BGTVT	06/01/2012
10.	Bằng khen	Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	Thủ tướng chính phủ	1887/QĐ-TTg	13/12/2012
11.	Cờ thi đua xuất sắc năm 2012	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua ngành Giao thông vận tải năm 2012	Bộ giao thông vận tải	420/QĐ-BGTVT	21/02/2013
12.	Cờ thi đua Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Giao thông vận tải năm 2013	Thủ tướng chính phủ	133/QĐ-TTg	17/01/2014
13.	Bằng khen	Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ	Thủ tướng chính phủ	1665/QĐ-TTg	17/09/2014

		nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc			
14.	Cờ thi đua xuất sắc năm 2015	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2015	Bộ giao thông vận tải	136/QĐ-BGTVT	18/01/2016
15.	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc toàn diện dẫn đầu phong trào thi đua quyết thắng năm 2015 và năm 2016	UBND tỉnh Bình Định	4730/QĐ-UBND	23/12/2016
16.	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nghĩa vụ nộp thuế từ năm 2016 đến năm 2017, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định	Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định	2163/QĐ-UBND	27/06/2018
17.	Cờ thi đua	Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	76/QĐ-UBQLV	20/02/2020

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/11/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 25/12/2009 và thay đổi lần thứ 08 ngày 28/07/2022, Công ty không thay đổi vốn điều lệ với giá trị đăng ký là 404.099.500.000 đồng (*Bốn trăm lẻ bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*)

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua vào ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.1. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

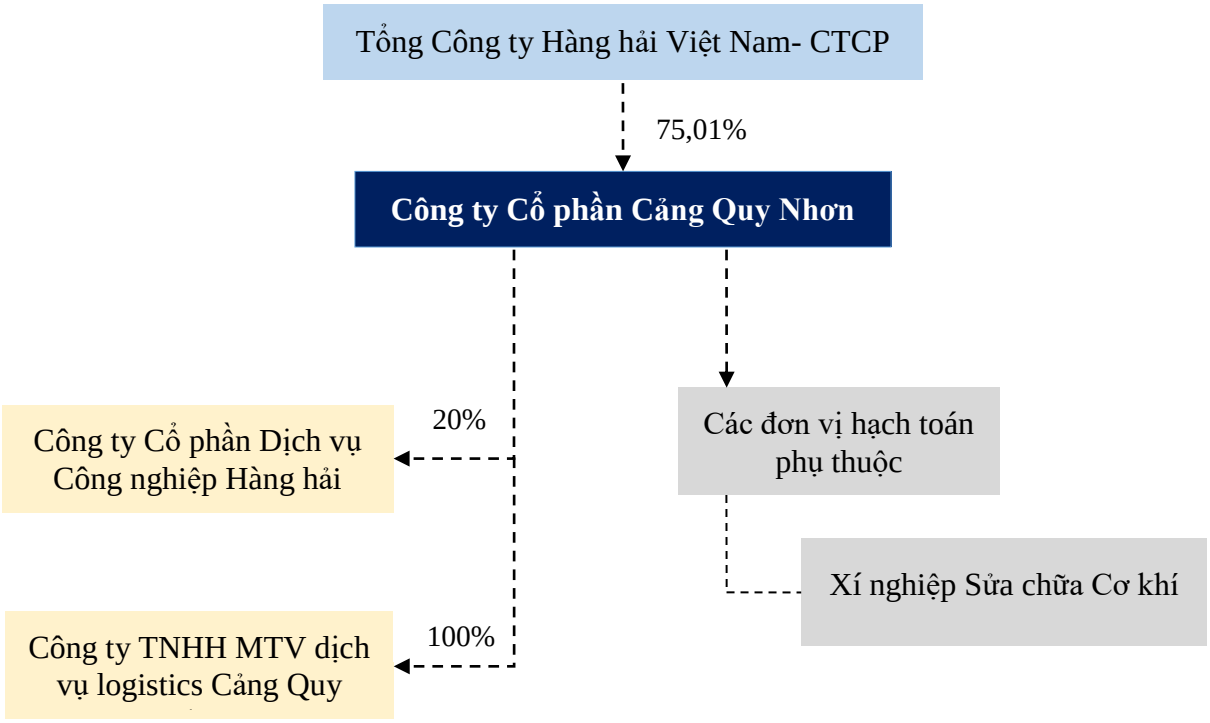

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty bao gồm:

a. Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783

b. Đơn vị hạch toán trực thuộc

❖ ***Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí***

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

c. Công ty mẹ:

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP

Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 18/08/2020; chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng chính phủ
Địa chỉ	Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Vốn điều lệ	12.005.880.000.000 đồng (Mười hai ngàn không trăm lẻ

	năm tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng)
Tỷ lệ sở hữu:	75,01% vốn điều lệ, tương đương 303.122.620.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

d. Công ty con

Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn

Giấy chứng nhận ĐKDN	Giấy CNĐKDN số 4101616138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/06/2022.
Địa chỉ	Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Vốn điều lệ	50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
Tỷ lệ sở hữu:	100% vốn điều lệ, tương đương 50.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

e. Công ty liên kết:

❖ ***Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải***

Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 4100258909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/10/1998
Địa chỉ:	Số 01A Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Vốn điều lệ:	24.000.000.000 đồng
Tỷ lệ Cảng Quy Nhơn sở hữu:	20% vốn điều lệ tương đương 4,8 tỷ đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất hoá chất cơ bản

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

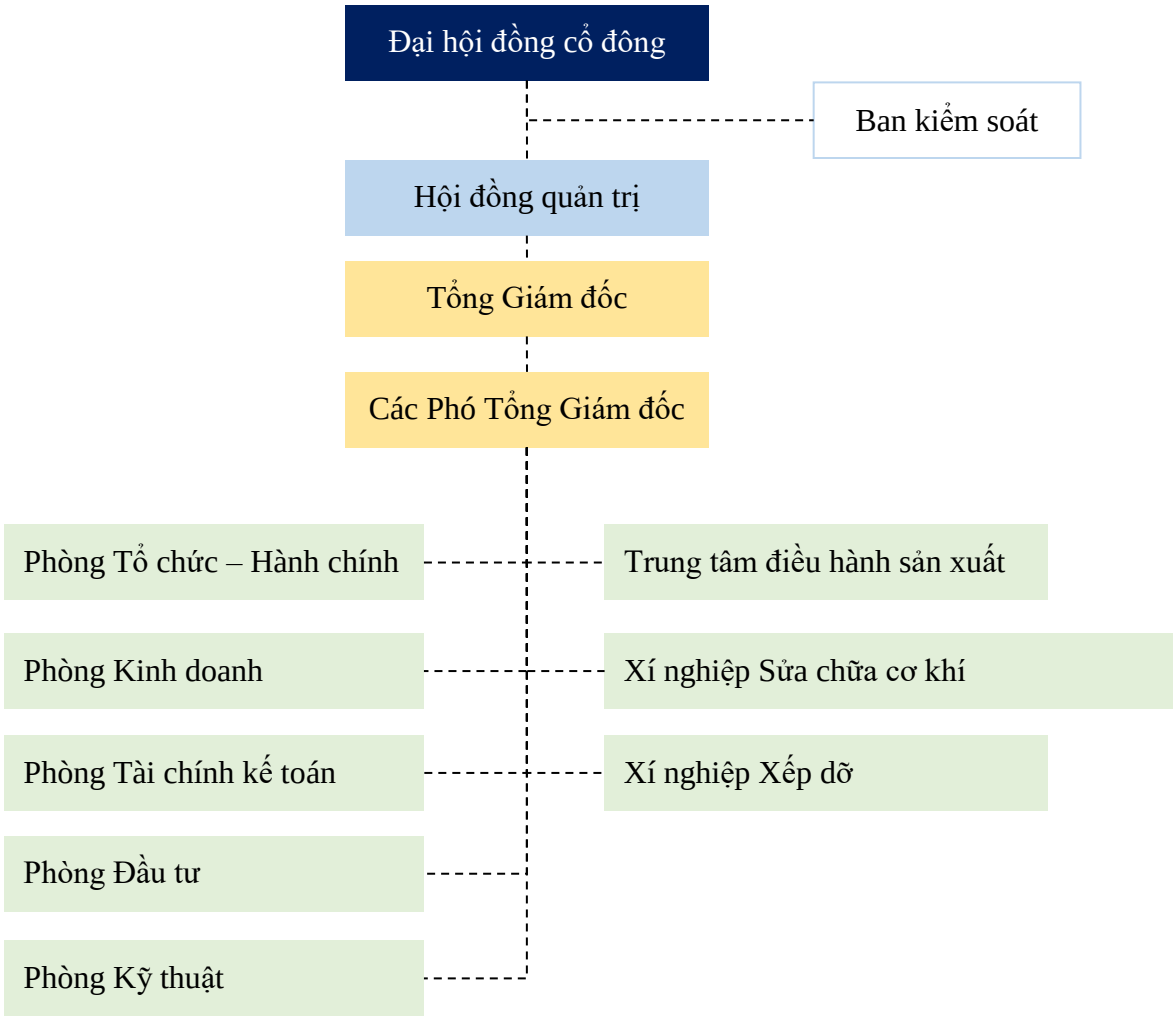

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty; quyết định định hướng phát triển của Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viện HĐQT, thành viên BKS; và có các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cho ĐHĐCĐ quản trị Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định

Theo quy định của Điều lệ, số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 05 người, gồm có Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT.

Ban kiểm soát (BKS)

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán tài chính của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông. Hiện tại, BKS của Công ty có 03 người, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Các phòng chức năng

Phòng Tổ chức – Hành chính: là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức - hành chính chuyên sâu với các chức năng chính sau:

- Xây dựng phương án tổ chức bộ máy; xác định chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức, định biên các đơn vị của Công ty theo từng giai đoạn;
- Tổ chức thực hiện công tác lao động tiền lương cho cán bộ-công nhân viên toàn Công ty; theo dõi kiểm tra việc thực hiện công tác lao động tiền lương, tiền thưởng tại các đơn vị trực thuộc Công ty. Thực hiện chính sách đối với người lao động;
- Tham mưu công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm; thi đua - khen thưởng - kỷ luật…
- Hoạch định và tổ chức quản lý thực hiện các kế hoạch liên quan lĩnh vực thanh tra - khiếu tố - khiếu nại - kỷ luật; thi đua tuyên truyền; bảo vệ - quân sự theo từng giai đoạn;
- Hoạch định các kế hoạch liên quan lĩnh vực hành chính tổng hợp theo từng giai đoạn;
- Tổ chức quản lý, thực hiện các kế hoạch đã xây dựng về hoạt động công tác hành chính - quản trị; văn thư - lưu trữ;
- Tổ chức thực hiện việc mua sắm bàn ghế, máy điều hòa; văn phòng phẩm phục vụ công tác văn phòng; đề xuất xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện làm việc cho các phòng, ban, đơn vị trong toàn Công ty;
- Tổ chức thực hiện, quản lý mọi hoạt động công tác tự vệ; phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, tuần tra, canh gác, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong khu vực do Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn quản lý;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác y tế cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho toàn thể người lao động của Công ty. Tổ chức lập kế hoạch hoạt động và dự trù kinh phí cho hoạt động y tế theo định kỳ tháng/quý/năm;

- Tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ; sơ cứu, cấp cứu tại hiện trường và điều trị ban đầu, giới thiệu lên tuyến trên điều trị khi trạm không đủ khả năng và điều kiện;
- Phân tích tình hình bệnh tật, kiểm tra an toàn thực phẩm, nước uống; kiểm tra vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp.

Phòng Kinh doanh: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu Tổng giám đốc trong lĩnh vực kế hoạch, tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng biển trên cơ sở chiến lược, và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Quản lý kinh doanh dịch vụ cảng biển trong lĩnh vực hàng rời, hàng container và các dịch vụ khác gọi chung là kinh doanh cảng biển;
- Xây dựng, triển khai giá dịch vụ cảng biển các loại;
- Hoạch định phát triển thị trường, xây dựng kế hoạch thương hiệu theo chiến lược của Công ty;
- Quản lý, xây dựng, triển khai các biện pháp tích cực trong công tác Hợp đồng, Thương vụ - Marketing - Hàng hóa;
- Xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh và phương án thực hiện theo tháng, quý, năm;
- Quản lý, giám sát chất lượng dịch vụ cung cấp theo đúng chiến lược kinh doanh Công ty;
- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh cung cấp dịch vụ cảng biển;
- Tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo sản lượng hàng hóa, doanh thu dịch vụ để đề xuất các biện pháp kinh doanh;
- Trên cơ sở năng lực của Cảng và nhu cầu thực tế, tham mưu Tổng giám đốc ký kết hợp đồng kinh tế thuê đơn vị bên ngoài cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của Công ty.

Phòng Tài chính kế toán: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu Tổng giám đốc trong lĩnh trong lĩnh vực tài chính, kế toán và hạch toán kinh tế nhằm giám sát phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của mọi hoạt động trong toàn Công ty; tổ chức huy động và quản lý tiền vốn, tài sản; quản lý tiền mặt qua quỹ; khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán và quyết toán toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của Công ty;
- Thực hiện việc tạo nguồn, cân đối nguồn vốn, tiền mặt cho các hoạt động của Công ty và đơn vị trực thuộc nhằm đạt hiệu quả cao nhất;
- Quản lý sử dụng các nguồn vốn. Phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế tài chính trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty;

- Kiểm tra, xác nhận đánh giá báo cáo quyết toán trên cơ sở kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tính tuân thủ các quy định, kiểm toán quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị;
- Tổ chức bộ máy kế toán quản trị; ban hành các quy chế tài chính nội bộ theo đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ hoạt động của Công ty; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính trong toàn Công ty.

Phòng Đầu tư: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu Tổng giám đốc và thực hiện các vấn đề liên quan đến công tác lập, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ thông tin, quản lý và mua sắm vật tư phục vụ sản xuất. Cụ thể:

- Quản lý quy hoạch tổng thể; thực hiện nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư;
- Tổng hợp, phân tích và báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư;
- Tham mưu xây dựng định hướng, chiến lược và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) của Công ty trong từng giai đoạn;
- Tham mưu tổ chức, triển khai quản lý hệ thống CNTT thuộc Công ty; bao gồm: hệ thống mạng, hệ thống ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý khai thác cảng.
- Quản lý công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất trong toàn công ty.

Phòng Kỹ thuật: Là phòng chuyên môn kỹ thuật tham mưu Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý hệ thống kỹ thuật và công nghệ trên cơ sở chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Hoạch định các chức năng kỹ thuật và công nghệ trong việc khai thác các loại trang thiết bị, phương tiện, công cụ sản xuất; kỹ thuật và chất lượng sửa chữa các loại phương tiện - thiết bị - công cụ;
- Quản lý việc thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng các loại phương tiện - thiết bị - công cụ toàn công ty, có hướng đề xuất xử lý kịp thời để đảm bảo yêu cầu hoạt động và sản xuất; Quản lý các phương tiện thiết bị được vận hành đúng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa cao;
- Quản lý hệ thống kỹ thuật, đổi mới công nghệ, kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bảo quản, kiểm định các phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ xếp dỡ và giám sát thực hiện;
- Tổ chức xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật về sử dụng, tiêu hao vật tư, vật liệu, nhiên liệu trong vận hành, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ xếp dỡ toàn công ty;
- Xây dựng quy trình công nghệ xếp dỡ đáp ứng sản xuất an toàn hiệu quả; xây dựng các quy định về An toàn lao động cho người, phương tiện, máy móc thiết bị, hàng hóa; công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật;

- Xây dựng kế hoạch quản lý, vận hành tiêu thụ điện năng; xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định theo quy định của ngành điện, triển khai thực hiện công tác sửa chữa lớn hệ thống điện. Phối hợp với cơ quan quản lý, các đơn vị liên quan giải quyết các sự cố điện trong toàn công ty;
- Tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo kỹ thuật và công nghệ để đưa ra các biện pháp khắc phục phòng ngừa và cải tiến;
- Tham mưu ban lãnh đạo trong công tác quản lý về bảo vệ môi trường.

Trung tâm điều hành sản xuất: Là đơn vị trực thuộc của Công ty có chức năng tổ chức, quản lý phân công lao động điều hành sản xuất, quản lý và khai thác cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị, công cụ, lao động trong dây chuyền xếp dỡ hàng hóa nhằm hoàn thành các kế hoạch được giao theo đúng tiến độ, đúng số lượng và chất lượng trên cơ sở nhiệm vụ kinh doanh chung của Công ty. Cụ thể:

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các kế hoạch khai thác sản xuất phù hợp với phân cấp quản lý. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh trong toàn bộ kế hoạch sản xuất từ tàu đến bãi cảng;
- Tổ chức điều hành sản xuất, quản lý và khai thác cơ sở hạ tầng, kho bãi, cầu bến, phương tiện, thiết bị, công cụ, lao động trong dây chuyền xếp dỡ hàng hóa và các dịch vụ khác theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- Tổ chức, bố trí điều hành xếp dỡ hàng hóa; sắp xếp, bảo quản, giao nhận container tại bãi theo kế hoạch khoa học, hợp lý;
- Tổ chức thống kê - kết toán, luân chuyển chứng từ, kết toán hàng hóa đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
- Kiểm soát thực hiện các quy trình, quy phạm, kiểm soát quá trình sản xuất kinh doanh trong dây chuyền xếp dỡ hàng hóa theo tiêu chuẩn chất lượng quy định;
- Quản lý, bố trí lao động thuộc phạm vi trách nhiệm. Sử dụng, khai thác an toàn, có hiệu quả các nguồn lực được giao.

Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí: Là đơn vị trực thuộc của Công ty có chức năng tổ chức, quản lý, khai thác và sử dụng lao động, tài sản, vật tư, tiền vốn được giao để thực hiện các dịch vụ về gia công, chế tạo, sửa chữa cơ khí, công trình xây dựng, bảo trì và sửa chữa container theo kế hoạch của Công ty giao. Cụ thể:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch phù hợp với phân cấp quản lý trong từng thời kỳ: kế hoạch về gia công, chế tạo và sửa chữa cơ khí;
- Tổ chức thực hiện điều hành các dịch vụ về gia công, chế tạo và sửa chữa cơ khí; xây dựng, sửa chữa công trình; bảo trì và sửa chữa container theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- Kiểm soát thực hiện các quy trình, quy phạm, kiểm soát quá trình về gia công, chế tạo và sửa chữa cơ khí theo tiêu chuẩn chất lượng quy định;

- Tổ chức hạch toán kinh tế đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
- Quản lý tài sản, kho tàng, tiền vốn, thiết bị; sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao thuộc phạm vi trách nhiệm đơn vị.

Xí nghiệp Xếp dỡ: Là đơn vị trực thuộc Công ty, có chức năng quản lý, khai thác và sử dụng lao động, tài sản, trang thiết bị, vật tư, tiền vốn được giao để thực hiện sản xuất kinh doanh về xếp dỡ và đóng gói hàng hóa nhằm hoàn thành các kế hoạch được giao trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chung của Công ty. Cụ thể:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh về xếp dỡ và đóng gói hàng hóa theo đúng pháp luật và đúng quy định của Công ty;
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh về xếp dỡ và đóng gói hàng hóa theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- Tổ chức thống kê và báo cáo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
- Quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, thiết bị, vật kiến trúc thuộc phạm vi trách nhiệm. Sử dụng, khai thác an toàn, có hiệu quả các nguồn lực được giao;
- Quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, thiết bị, vật kiến trúc thuộc phạm vi trách nhiệm. Sử dụng, khai thác an toàn, có hiệu quả các nguồn lực được giao.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; và Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 25/12/2023

Danh sách các cổ đông lớn tại thời điểm 25/12/2023

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam- CTCP	GCK ĐKDN số 0100104595 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2020	01 Đào Duy Anh, P. Hoàng Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội	30.312.262	75,01%
Tổng cộng				**30.312.262**	**75,01%**

Nguồn: Sổ cổ đông QNP tại ngày 25/12/2023

3.2. *Cơ cấu cổ đông*

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/12/2023

	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%VĐL)
I	**Trong nước**	**922**	**40.409.950**	**100,00%**
1	Cá nhân	916	7.815.612	19,34%
2	Tổ chức	06	32.594.338	80,66%
II	**Nước ngoài**	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
III	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-
	Tổng cộng	**922**	**40.409.950**	**100,00%**

Nguồn: Sổ cổ đông QNP tại ngày 25/12/2023

3.3. *Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ*

CTCP Cảng Quy Nhơn được thành lập từ năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, do đó những điều kiện hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp đã không còn hiệu lực.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

4.1. *Danh sách Công ty mẹ của QNP*

Stt	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ	Thông tin doanh nghiệp	Phần trăm sở hữu
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP	01 Đào Duy Anh, P. Hoàng Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội	GCN ĐKDN số 0100104595 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2020	12.005 tỷ đồng	Dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng	75,01%

4.2. *Danh sách các công ty con của QNP*

Tại thời điểm 31/12/2020

Không có

Tại thời điểm 31/12/2021

Không có

Tại thời điểm 30/09/2023

Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn

- Giấy CNĐKDN số 4101616138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/06/2022.
- Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ (30/09/2023): 50.000.000.000 đồng
- Vốn góp của QNP (30/09/2023): 50.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ

Tỷ lệ biểu quyết của QNP: 100%

4.3. *Danh sách công ty liên kết của QNP*

Stt	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ	Thông tin doanh nghiệp	Phần trăm sở hữu
1	CTCP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	Lô A3, Đường số 2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	GCN ĐKDN số 4100258909 do Sở KH&ĐT Bình Định cấp lần đầu ngày 01/10/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 01/07/2019	24 tỷ đồng	Sản xuất hóa chất cơ bản	20,00%

4.4. *Danh sách công ty do QNP nắm quyền kiểm soát và chi phối*

Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. *Sản lượng, sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm*

5.1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CTCP Cảng Quy Nhơn

Hiện nay, CTCP Cảng Quy Nhơn là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực khai thác cảng và hoạt động dịch vụ cảng tại bến cảng Quy Nhơn.

- ***Hoạt động khai thác cảng:***

Đây là một trong những hoạt động kinh doanh chính của CTCP Cảng Quy Nhơn trong các năm qua bao gồm:

- Bốc xếp hàng bao, hàng rời, sắt thép, rút/nạp hàng container;
- Giao nhận, bảo quản, lưu kho, lưu bãi;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cẩu bờ, xe nâng các loại;
- Các dịch vụ hỗ trợ, trạm cân;
- Các dịch vụ khác.

Trong đó, dịch vụ bốc xếp hàng hóa là hoạt động chính và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Quy Nhơn trong các năm qua. Với năng lực hiện có, Cảng Quy Nhơn có đủ năng lực xếp dỡ tất cả các loại hàng rời, hàng container, kể cả hàng siêu trường, siêu trọng. Cụ thể, trong năm 2019, sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 9.103.427 tấn, tăng 9,5% so với năm 2018. Năm 2020 sản lượng thông qua 11.037.117 tấn tăng 21% so với năm 2019. Năm 2021 sản lượng thông qua là 11.368.679 tấn tăng 3% so với năm 2020.

Với năng lực và khả năng xếp dỡ hiện có, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2016-2023 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ước TH Năm 2023
Sản lượng hàng thông qua, trong đó:	7.074.628	7.173.358	8.316.499	9.103.427	11.037.117	11.368.679	10.811.168	9.700.000
▪ *Nhập*	*965.053*	*1.080.927*	*1.078.434*	*1.167.797*	*1.525.288*	*2.059.147*	*1.036.428*	*1.025.699*

khẩu (Tấn)								
▪ *Xuất khẩu (Tấn)*	*4.402.602*	*4.108.815*	*5.402.775*	*6.279.708*	*7.807.828*	*7.818.864*	*8.874.922*	*7.628.555*
▪ *Nội địa (Tấn)*	*1.706.973*	*1.983.616*	*1.835.290*	*1.655.922*	*1.704.001*	*1.490.668*	*136.716*	*1.045.746*
Container (TEU)	96.892	115.395	127.317	136.817	180.194	160.095	137.847	147.000
Lượt tàu (Tàu)	1.575	1.627	1.409	1.290	1.314	1.235	907	985

Nguồn: QNP

Hiện nay, Cảng Quy Nhơn được đánh giá là cảng dẫn đầu tại khu vực miền Trung trong những năm gần đây về xếp dỡ hàng hóa nhanh và có sản lượng hàng hóa thông qua tăng trưởng cao trong các năm qua.

Hoạt động dịch vụ cảng

Hoạt động dịch vụ cảng tại Cảng Quy Nhơn bao gồm các dịch vụ chủ yếu như sau:

- Dịch vụ vận tải bộ;
- Dịch vụ vận tải thủy;
- Cơ khí sửa chữa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán săm lốp xe...

Trong đó, ***dịch vụ vận tải bộ và đại lý kinh doanh xăng dầu*** là 02 mảng hoạt động chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của Hoạt động dịch vụ cảng của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong những năm qua.

- ***Đối với dịch vụ vận tải bộ***, đây là hoạt động bao gồm các dịch vụ vận tải đường bộ cho hàng hóa tại bến cảng Quy Nhơn. Với hệ thống phương tiện vận tải đa dạng, công suất cao và quy trình vận chuyển được theo dõi nghiêm ngặt, hiện tại hoạt động cung ứng dịch vụ vận tải bộ tại Cảng Quy Nhơn đã góp phần thúc đẩy việc vận chuyển hàng hóa nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu thông qua cảng ngày càng cao của khách hàng.
- ***Đối với dịch vụ Đại lý kinh doanh xăng dầu***, là hoạt động cung ứng các loại xăng dầu cho các phương tiện thủy/bộ hoạt động ra vào tại bến cảng. Đây là một trong những hoạt động mang lại nguồn doanh thu lớn thứ 3 trong cơ cấu doanh thu của Cảng Quy Nhơn trong các năm qua.

Nhìn chung, với hoạt động sản xuất kinh doanh gồm 02 nhóm chính là hoạt động khai thác cảng và hoạt động dịch vụ cảng, CTCP Cảng Quy Nhơn có hoạt động kinh doanh chủ yếu ở các dịch vụ là ***Bốc xếp hàng hóa (đóng góp khoảng 64% doanh thu thuần năm 2022); Dịch vụ vận tải bộ (đóng góp khoảng 15 % doanh thu thuần năm 2022) và Đại lý kinh doanh xăng dầu (đóng góp khoảng 19% doanh thu thuần năm 2022)***. 03 hoạt động chính này đóng góp hơn 98% cơ cấu doanh thu thuần năm 2022, doanh thu từ các mảng hoạt động khác như sửa chữa cơ khí, cầu phí, kho bãi và các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của toàn Công ty**.**

5.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm sản phẩm dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm 2021 (điều chỉnh) (*)		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng doanh thu thuần	**1.310.799**	**100%**	**1.069.095**	**100%**	**695.482**	**100%**
+ DT hoạt động khai thác cảng	928.627	70,84%	527.954	49,38%	380.247	54,67%
+ DT hoạt động dịch vụ cảng	382.171	29,16%	541.141	50,62%	315.235	45,33%

** Theo số liệu điều chỉnh đầu kỳ trên BCTC kiểm toán năm 2022*

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Năm 2021, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của QNP diễn biến theo chiều hướng tích cực về doanh thu trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Doanh thu thuần của Cảng Quy Nhơn năm 2021 đạt mức trên 1.310 tỷ đồng, tăng trưởng 57,8% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu doanh thu của Công ty trong giai đoạn 2019 -2021 khá ổn định, gồm doanh thu hoạt động khai thác cảng và doanh thu hoạt động dịch vụ cảng, trung bình chiếm lần lượt 60% và 40% giá trị doanh thu thuần trong giai đoạn này.

Trong hoạt động khai thác cảng, hoạt động bốc xếp hàng hóa và container đóng góp lớn nhất, bình quân khoảng 71,73% cơ cấu doanh thu hoạt động khai thác cảng trong giai đoạn 2018 – 2019; các hoạt động còn lại bao gồm cầu phí, hoạt động hỗ trợ, trạm cân, cước hạ tầng, ... đóng góp 28,27% trong cơ cấu doanh thu hoạt động khai thác cảng giai đoạn này.

Trong hoạt động dịch vụ cảng, dịch vụ giao nhận hàng hóa thông qua vận tải bộ đóng góp lớn nhất, trung bình khoảng 51,23% cơ cấu doanh thu dịch vụ cảng; kế đến là hoạt động dịch vụ kinh doanh xăng dầu, đóng góp trung bình khoảng 41,06%. Các hoạt động dịch vụ còn lại như giao nhận hàng hóa vận tải thủy, sữa chữa cơ khí, mua bán xăm lốp xe, ... đóng góp tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu doanh thu dịch vụ cảng giai đoạn 2018 – 2022.

Năm 2022, trước bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và nền kinh tế thế giới có dấu hiệu chững lại do bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng cao, doanh thu thuần của Cảng Quy Nhơn đạt mức trên 1.069 tỷ đồng, trong đó cơ cấu doanh thu từ hoạt động khai thác cảng chiếm 49,38% và doanh thu từ hoạt động dịch vụ cảng chiếm 50,62% trong tổng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh.

09 tháng năm 2023, doanh thu thuần của Cảng Quy Nhơn đạt mức trên 695 tỷ đồng, trong đó cơ cấu doanh thu từ hoạt động khai thác cảng chiếm 54,67% và doanh thu từ hoạt động dịch vụ cảng chiếm 45,33% trong tổng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, doanh thu từ 02 mảng hoạt động này của Công ty có tính tăng trưởng ổn định và Công ty tiếp tục định hướng duy trì cơ cấu doanh thu theo tỷ lệ hiện tại trong tương lai.

Doanh thu sản xuất riêng

KHOẢN MỤC	Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng doanh thu thuần	**823.491**	**100%**	**390.451**	**100%**
+ DT hoạt động khai thác cảng	653.029	79,3%	384.651	98,51%
+ DT hoạt động dịch vụ cảng	170.462	20,7%	5.800	1,49%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

5.1.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp các nhóm sản phẩm dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm 2021 điều chỉnh (*)		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp	**492.486**	**100%**	**177.326**	**100%**	**153.326**	**100%**
+ Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác cảng	478.948	97,25%	154.107	86,91%	137.421	89,63%

+ Lợi nhuận gộp hoạt động dịch vụ cảng	13.538	2,75%	23.219	13,09%	15.905	10,37%

** Số liệu theo giá trị điều chỉnh trên BCTC kiểm toán năm 2022*

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Lợi nhuận gộp của Công ty năm 2021 khá ấn tượng đạt giá trị trên 492,4 tỷ đồng, tăng 142,4% so với năm 2020 nhờ sự phục hồi bất ngờ trong thời gian dịch bệnh do gián đoạn chuỗi cung ứng. Về cơ cấu lợi nhuận gộp, 97,25% lợi nhuận gộp của Công ty trong giai đoạn này đến từ hoạt động khai thác cảng. Khoảng 2,75% còn lại của lợi nhuận gộp đến từ mảng cung cấp dịch vụ cảng, mặc dù doanh thu mảng này đóng góp 29,16% vào tổng doanh thu thuần. Đối với mảng dịch vụ cảng tại Cảng Quy Nhơn, phần lớn các hoạt động và nguồn thu của mảng này đến từ hoạt động giao nhận hàng hóa thông qua vận tải bộ và các hoạt động kinh doanh xăng dầu tại cảng. Đây là những hoạt động Cảng Quy Nhơn tiến hành thuê đơn vị bên ngoài thực hiện hoặc giao khoán cho đơn vị thứ ba để hưởng doanh thu chênh lệch nên giá vốn của 2 hoạt động này khá cao, dẫn đến sự đóng góp của mảng dịch vụ cảng từ hoạt động giao nhận hàng hóa thông qua vận tải bộ và hoạt động kinh doanh xăng dầu vào Lợi nhuận gộp của cả Công ty đều thấp trong những năm qua.

Biên lợi nhuận gộp trong giai đoạn 2021-2022 của Cảng Quy Nhơn dao động trong khoảng 16,6% - 37,6%. Trong khi đó, biên lợi nhuận gộp hoạt động khai thác cảng và hoạt động dịch vụ cảng lần lượt ở mức trung bình 40,4% và 3,9% trong giai đoạn trên.

Năm 2022, lợi nhuận gộp Cảng Quy Nhơn đạt hơn 177 tỷ đồng, trong đó cơ cấu tỷ trọng lợi nhuận đến từ hoạt động khai thác cảng tiếp tục đóng vai trò chủ đạo khi chiếm 86,91% và lợi nhuận gộp từ hoạt động dịch vụ cảng chiếm 13,09% trong tổng cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty. Biên lợi nhuận gộp tính đến 9 tháng năm 2023 đạt 19,76% trong đó biên lợi nhuận gộp từ hoạt động khai thác cảng là 36,14% và từ hoạt động dịch vụ cảng là 5,05%.

Như vậy, cơ cấu về lợi nhuận gộp của Công ty đạt ổn định và có thể thấy hoạt động khai thác cảng là hoạt động quan trọng nhất của Công ty, đem lại hầu hết lợi nhuận cho Cảng Quy Nhơn.

Lợi nhuận gộp riêng

KHOẢN MỤC	Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp	**167.613**	**100%**	**137.746**	**100%**
+ Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác cảng	163.867	97,8%	132.055	95,87%
+ Lợi nhuận gộp hoạt động dịch vụ cảng	3.746	2,2%	5.691	4,13%

Nguồn BCTC kiểm toán riêng 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

5.2. *Nguyên vật liệu*

- **Nguồn nguyên vật liệu**

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Cảng Quy Nhơn cần vận hành các thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, cẩu bờ, xe cẩu để cung cấp dịch vụ cảng biển. Bên cạnh đó, để vận hành các máy móc thiết bị, xăng dầu cũng là một nguyên vật liệu đầu vào cần thiết cho hoạt động của Công ty. Chi phí nhiên liệu chiếm tỷ lệ 3% tổng chi phí nên vẫn có ảnh hưởng nhất định đến việc quản lý chi phí của Công ty.

- **Sự ổn định của nguồn cung cấp**

Trong suốt quá trình hoạt động, Cảng Quy Nhơn đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống lâu dài với các nhà cung cấp các trang thiết bị trong hoạt động cảng biển cũng như cung cấp xăng dầu cho Công ty. Các đối tác cung cấp cho Công ty chủ yếu là các đối tác lớn trong và ngoài nước do đó bảo đảm việc cung cấp nguyên vật liệu ổn định về chất lượng, số lượng và tính ổn định; nhưng về giá cả sẽ phụ thuộc chung vào biến động giá cả chung của thị trường trong nước và thế giới. Đối với nguồn cung cấp này, Cảng Quy Nhơn xác định sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược để luôn đảm bảo duy trì được nguồn cung cấp ổn định và lâu dài.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách soát xét, đánh giá định kỳ hằng quý, hằng năm đối với những đối tác cung ứng nhằm đảm bảo giảm thiểu các rủi ro về nguồn cung cũng như chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của nhà cung cấp.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận**

Hoạt động của Công ty cũng cần nhiều đầu tư về cơ sở hạ tầng cảng biển như: thiết bị xếp dỡ - vận chuyển, thiết bị cẩu nâng hạ …thường có giá trị rất lớn. Khi có sự biến động về giá cả các loại thiết bị này sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí của Công ty.

Xăng dầu là yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh doanh của Công ty như vận hành các thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, cẩu bờ, xe cẩu,... Sự biến động giá dầu thế giới và chính sách điều chỉnh giá xăng dầu của Nhà nước cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5.3. *Chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất hợp nhất

KHOẢN MỤC	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	818.313	62,43%	891.770	83,41%	542.156	77,95%
Chi phí tài chính	788	0,06%	840	0,07%	823	0,12%

KHOẢN MỤC	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT
Chi phí bán hàng	10.764	0,82%	11.536	1,08%	10.255	1,47%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.611	5,62%	126.022	11,79%	54.398	7,82%
Chi phí khác	9.363	0,71%	923	0,08%	36	0,01%
Tổng chi phí	912.838	69,64%	1.031.091	96,45%	607.668	87,37%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Tỷ trọng các chi phí trên doanh thu có sự biến động mạnh trong năm 2021. Tổng các chi phí năm 2022 chiếm khoảng 96,45% doanh thu thuần. Trong các loại chi phí, chi phí giá vốn bán hàng bán có giá trị lớn nhất, chiếm tỷ trọng 62,43% - 83,41% doanh thu thuần trong năm 2021 và 2022. Các loại chi phí quan trọng tiếp theo là chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng với tỷ lệ trên doanh thu thuần lần lượt là 11,79% và 1,08%. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý, khấu hao tài sản cố định, thuế và lệ phí, và chi phí quản lý khác. Trong khi đó, chi phí bán hàng ghi nhận từ chi phí nhân viên và chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác. Các chi phí còn lại của Công ty gồm chi phí tài chính và chi phí khác, có tỷ trọng không đáng kể.

Chi phí sản xuất riêng

KHOẢN MỤC	Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% DTT	Giá trị (triệu đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	655.879	79,65%	252.704	64,72%
Chi phí tài chính	840	0,10%	823	0,21%
Chi phí bán hàng	9.928	1,21%	8.021	2,05%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	122.158	14,83%	48.645	12,47%
Chi phí khác	923	0,11%	19	0,00%
Tổng chi phí	789.728	95,90%	310.212	79,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

5.4. Trình độ công nghệ

Được quy hoạch là một trong những cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại 1) của nhóm biển cảng Nam Trung Bộ, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chú trọng nâng cấp, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn cho người lao động và khách hàng của Công ty.

Luồng hàng hải Quy Nhơn: Luồng hàng hải Quy Nhơn có chiều dài 6,3km tính từ phao số "0", chiều rộng 110m, cầu cảng có độ sâu tự nhiên -11mHD (độ sâu nhỏ nhất tính đến mực nước số "0 hệ hải đồ"). Chế độ thủy triều là bán nhật triều không đều, chênh lệch bình quân: 1,6 m, mớn nước cao nhất tàu ra vào là 13,8 m. Vũng quay trở D=300m.

Hiện tại, Cảng Quy Nhơn đang quản lý các thiết bị, hệ thống cơ sở hạ tầng kho bãi như sau:

a) Cầu bến:

Tên/ Số hiệu	Dài (m)	Sâu (hải đồ) (m)	Loại tàu/ Loại hàng
Cầu tàu 1	480	12,2	02 tàu 30.000DWT đầy tải/ Tổng hợp, Container
Cầu tàu 2	174	8,9	20.000 DWT / Tổng hợp
Cầu tàu 3	174	8,9	10.000DWT / Tổng hợp
Cầu tàu 4	170	11,8	63.550DWT giảm tải / Tổng hợp
Cầu tầu 5	200	12,5	50.000DWT/ Tổng hợp

Nguồn: QNP

Sở hữu hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh với 4 cầu tàu, tổng chiều dài 998m, Cảng Quy Nhơn có thể tiếp nhận tàu trọng tải 30.000 DWT với tần suất bình thường, tàu có trọng tải 63.550 DWT giảm tải; hệ thống luồng lạch, phao tiêu hoàn chỉnh, dẫn dắt tàu ra vào 24/24h. Hàng trăm thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ đã được trang bị đủ khả năng xếp dỡ tất cả các loại hàng rời, hàng container, kể cả hàng siêu trường, siêu trọng.

Ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn thuê dài hạn (thời hạn 10 năm) cầu tàu số 5 dài 200 mét và sâu 12,5 mét của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn để tăng cường năng lực khai thác, giải phóng tàu nhanh. Thông tin sơ bộ của hợp đồng thuê như sau: Hợp đồng số 168/2017/HĐKT ngày 19/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, với thời hạn hợp đồng là 10 (năm) kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2026, và giá trị sử dụng hạ tầng cầu cảng mà Cảng Quy Nhơn thanh toán hằng năm là 27,6 tỷ đồng/năm (2,3 tỷ đồng/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT. Vào đầu tháng 12 hằng năm, trên cơ sở các chỉ tiêu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của hai bên, giá trị thanh toán có thể điều chỉnh nhằm đảm bảo hiệu quả hợp tác kinh doanh.

Đối với tàu định tuyến theo lịch trình thường xuyên về cảng (container) thì được ưu tiên bố trí cầu cảng, sẵn sàng tiếp nhận giải phóng tàu theo kế hoạch khai thác thường xuyên của cảng. Đối với tàu hàng rời, Cảng Quy Nhơn sẽ căn cứ vào điều kiện cầu bến, kho

bãi, nhân lực, thiết bị và các điều kiện liên quan khác để sắp xếp cầu bến hợp lý và giải phóng tàu nhanh nhất có thể.

b) Hệ thống kho bãi:

- Kho: 31.579 m^2;
- Bãi: 179.917 m^2 ; Trong đó bãi chứa container 93.000 m^2.

Hệ thống kho bãi của Công ty được xây dựng quy mô, theo tiêu chuẩn chất lượng cao và được chia thành từng khu vực chuyên dùng, đảm bảo phù hợp với điều kiện lưu kho, bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển từng loại hàng hóa.

c) Một số máy móc thiết bị

STT	Tên	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn luỹ kế (30/09/2023) (đồng)	Giá trị còn lại (30/09/2023) (đồng)
1	*Cẩu QC*	2	Hệ thống/Cái	110.821.566.037	50.023.623.520	60.797.942.517
2	*Cần cẩu bờ di động*	2	Cái	112.628.424.528	112.628.424.528	-
3	*Xe cẩu 100MT*	2	Cái	20.034.062.953	14.343.029.423	5.691.033.530
4	*Xe cẩu các loại*	13	Cái	79.182.356.052	74.985.222.823	4.197.133.229
5	*Cẩu RTG*	5	Cái	42.600.009.076	19.290.162.815	23.309.846.261
6	*Xe nâng container rỗng/ có hàng*	4	Cái	23.100.723.830	20.570.902.923	2.529.820.907
7	*Xe nâng hàng các loại*	12	Cái	17.306.350.102	17.306.350.102	-
8	*Hệ thống băng tải hút hàng rời*	1	Cái	10.718.727.273	9.141.779.278	1.576.947.995
9	*Xe tải các loại, đầu kéo có sơmi rơmoc*	9	Cái	16.344.188.344	15.963.407.821	380.780.523
10	*Xe xúc, đào, ủi các loại*	19	Cái	19.218.857.264	11.159.407.866	8.059.449.398
11	*Trạm cân ô-tô điện tử*	5	Cái	3.460.628.179	3.027.720.362	432.907.817

Nguồn: QNP

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm/dịch vụ mới

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Cảng Quy Nhơn xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại chính là điểm mấu chốt. Tiếp đến là đầu tư ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác Cảng phục vụ

cho yêu cầu hội nhập quốc tế. Song song đó, Cảng cũng nghiên cứu, đề xuất bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống cầu tàu liền bờ về phía Tây để tăng năng lực khai thác; khảo sát một số vị trí phù hợp ở vùng hậu phương dọc theo tuyến hành lang Kinh tế Đông – Tây để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển dịch vụ logistics nhằm khai thác tốt các lợi thế của Cảng.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Hệ thống quản lý, điều hành của Cảng Quy Nhơn phù hợp theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, với mục tiêu "UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - AN TOÀN - PHÁT TRIỂN". Vấn đề chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5.7. Hoạt động Marketing

Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành, lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đều tăng trưởng trong những năm gần đây khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước.

Từ năm 2020, Cảng Quy Nhơn đã xác định giá trị, mục tiêu của doanh nghiệp để phát triển Cảng đến năm 2025, và những năm tiếp theo là:

- Trở thành Cảng biển tổng hợp quốc tế hiện đại, cung cấp được các dịch vụ cảng biển/logistics ở mức độ chuyên nghiệp, ngang tầm khu vực Đông Nam Á;
- Trở thành đầu mối giao thương hướng biển số 1 trong chiến lược phát triển kinh tế của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia, Nam Lào;
- Đủ năng lực tiếp nhận được hàng hóa thông qua cảng trên 15 triệu tấn/năm vào năm 2025 (trong đó container đạt 350.000 teus);
- Mang lại giá trị gia tăng, sự hài lòng cho khách hàng và đối tác thông qua việc cung cấp dịch vụ cảng biển/logistics chuyên nghiệp, hợp lý với phương châm điều hành: "hiệu quả, tận tâm, đổi mới, chia sẻ, trách nhiệm".
- Xây dựng đội ngũ người lao động Cảng Quy Nhơn chuyên nghiệp, kỷ luật có cơ hội phát triển bản thân, được đào tạo, đào tạo lại, có thu nhập cao trong khu vực.

Trên cơ sở đó, hoạt động marketing của Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025 như sau

- Chiến lược phát triển dịch vụ:

Nâng cấp dịch vụ hiện có:

- Lấy khách hàng làm trung tâm, tập trung vào giải pháp khách hàng, linh hoạt trong thực hiện các chính sách nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;

- Định kỳ đánh giá chất lượng các dịch vụ hiện đang cung cấp (kể cả các dịch vụ được cung cấp bởi đối tác bên ngoài) để có kế hoạch cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, là chìa khóa vận hành cho các hoạt động SXKD của Công ty;
- Liên tục khảo sát, đánh giá năng lực của trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và có kế hoạch đầu tư mua sắm mới thiết bị hiện đại, chuyên dùng và linh hoạt, phù hợp với khả năng tài chính và mục tiêu phát triển trong dài hạn.

Phát triển dịch vụ mới

- Tập trung nhân lực, vật lực triển khai dịch vụ logistics, bước đầu phục vụ cho nguồn hàng của cảng, sau đó mở rộng dịch vụ ra khu vực.

- Chiến lược phát triển thị trường:
  - Kết nối làm việc với các Tập đoàn lớn đã ký kết các thoả thuận hợp tác với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để gia tăng sản lượng hàng qua cảng nhằm giữ vững thị phần, khách hàng hiện có, thu hút khách hàng mới. Từng bước mở rộng được thị trường hàng hóa thông qua cảng đến các tỉnh Tây nguyên, khu vực giáp biên giới nước Lào, Campuchia qua cửa khẩu Lệ Thanh, cửa khẩu Bờ Y;
  - Xây dựng thêm 1-2 tuyến dịch vụ container mới tại Cảng, kết nối từ Quy Nhơn đi thị trường Đông Bắc Á, qua đó đa dạng hóa được nguồn hàng xuất nhập bằng container thông qua Cảng Quy Nhơn;
  - Theo dõi tiến độ các dự án, Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn, khu vực tỉnh lân cận đã và đang được đầu tư, định hướng phát triển thời gian đến; kết nối nhu cầu xuất/nhập khẩu hàng hóa và trang thiết bị của các địa phương này với nguồn hàng thông qua việc tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư và hội chợ thương mại quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút hàng hóa thông qua cảng.
- Chiến lược đa dạng hóa:
  - Đầu tư xây dựng các cảng cạn (ICD), tranh thủ công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực hoạt động doanh nghiệp;
  - Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin theo hướng có khả năng tương tác với khách hàng từ khi yêu cầu dịch vụ cho đến khi kết thúc dịch vụ (hệ thống quản lý E-port).
- Chiến lược truyền thông:
  - Xây dựng kế hoạch truyền thông theo định hướng chiến lược dài hạn "Khách hàng thịnh vượng, Cảng Quy Nhơn phát triển";
  - Đầu tư công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và khai thác mối quan hệ khách hàng (hệ thống CRM). Trên cơ sở lịch sử giao dịch của khách hàng có kế hoạch xây dựng chính sách tích lũy lợi ích phù hợp nhằm duy trì lòng trung thành của khách hàng;

- Kết hợp với các đối tác cung cấp dịch vụ (hãng tàu, đại lý…) xây dựng chiến lược truyền thông đôi bên cùng có lợi nhằm tạo lợi thế cạnh tranh về dịch vụ;
- Xây dựng chiến lược truyền thông nội bộ, tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp tích cực, thực hiện công tác tuyên truyền rộng rãi cho người lao động trong toàn Công ty về kế hoạch phát triển, khó khăn và thuận lợi, chế độ chính sách của Công ty để người lao động hiểu rõ, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, sẵn sàng vượt khó giúp Công ty hoàn thành được các chỉ tiêu đề ra.

- Chiến lược nguồn nhân lực

  - Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự quản lý cấp trung và các chuyên viên nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý trong công ty;
  - Xây dựng chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài cũng như hệ thống đánh giá hiệu suất làm việc cá nhân KPI rõ ràng, minh bạch, công khai;
  - Xây dựng lộ trình phát triển nhân sự và hệ thống khen thưởng tích cực nhằm phát huy năng lực đội ngũ lao động chuyên môn;
  - Tăng cường tổ chức giao lưu học hỏi và trao đổi kinh nghiệm về quản trị và điều hành trong lĩnh vực khai thác cảng với các đơn vị thành viên trong khối cảng biển Việt Nam.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo của CTCP Cảng Quy Nhơn có hình dáng:

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng tiêu biểu đã được ký kết

STT	Khách hàng	Giá trị (triệu VNĐ)			Sản phẩm	Hiệu lực hợp đồng 2023
		Năm 2021	Năm 2022	KH 2023		
1	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	11.421	12.000	12.000	Cung cấp dịch vụ logistics hàng phân bón (xếp dỡ, đóng gói, giao nhận, vận chuyển, lưu kho)	x
2	Công ty TNHH vận tải Nguyệt Anh	10.443	10.756	10.756	Bán xăng dầu	x

3	CN Xăng dầu Quân đội KV Tây Nguyên – Cty TNHH MTV TCT Xăng dầu Quân đội	104.323	138.000	138.000	Đại lý bao tiêu xăng dầu	x
4	Công ty TNHH Hào Hưng Quảng Ngãi	11.444	11.780	11.780	Bán xăng dầu	x
5	Công ty TNHH Đức Hải	14.500	15.000	15.000	Cung cấp dịch vụ vận chuyển dăm gỗ	x
6	Công ty CP Thành Ngân	13.884	14.000	14.000	Cung cấp dịch vụ vận chuyển dăm gỗ	x
7	Công ty TNHH Năng lượng Phú Yên	17.169	18.890	18.890	Cung cấp dịch vụ vận chuyển dăm gỗ	x
8	Công ty TNHH Maersk Việt Nam	31.962	38.354	38.354	Container	x
9	Công ty TNHH MSC Việt Nam	12.903	15.484	15.484	Container	x
10	CTCP CMA-CGM Việt Nam	9.962	11.954	11.954	Container	x
11	Công ty Vận tải Biển VIMC	13.910	16.692	16.692	Container	x
12	Công ty Vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	34.300	41.160	41.160	Container	x
13	Công ty Wan Hai lines LTD	11.200	13.440	13.440	Container	x
14	PACIFIC INTERNATIONAL LINES (PTE) LTD	11.200	15.000	15.000	Container	x
15	NEW GOLDEN SEA SHIPPING	7.200	9.000	9.000	Container	x
16	MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A	13.000	14.000	14.000	Container	x
17	OCEAN NETWORK EXPRESS Pte. Ltd	9.500	11.000	11.000	Container	x
18	Công ty TNHH Ô Lam	3.500	5.000	5.000	Container	x
19	Xí nghiệp Thắng lợi - Công ty cổ phần Phú Tài	3.550	5.000	5.000	Container	x
20	Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	1.927	2.500	2.500	Container	x
21	Công ty TNHH MTV Nhật Nam Hưng	2.284	3.000	3.000	Container	x
22	Xí nghiệp 380 - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài	2.683	3.500	3.500	Container	x
23	Công ty TNHH Hào Hưng	28.000	28.000	28.000	Dăm gỗ	x
24	Công ty TNHH Đức Hải	11.000	13.000	13.000	Dăm gỗ	x

25	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Hồng Hải	6.000	6.500	6.500	Dăm gỗ	x
26	Công ty cổ phần Thành Ngân + Nguyệt Anh	23.000	23.500	23.500	Dăm gỗ	x
27	Công ty CP ĐT & XNK DHT	13.000	14.000	14.000	Phân bón	x
28	Tổng Công ty PISICO	1.900	2.000	2.000	Phân bón	x
29	Công ty VTKTNN Bình Định	1.200	2.000	2.000	Phân bón	x
30	CTCP Vật tư NS Hà Nội (Apromaco)	5.800	6.000	6.000	Phân bón	x
31	Công ty TNHH MTV Minh Tân	7.000	8.000	8.000	Phân bón	x
32	Công ty TNHH Hoàng Ngân	3.100	3.500	3.500	Phân bón	x
33	Công ty TNHH TMDVXNK Tường Nguyên	1.650	1.800	1.800	Phân bón	x
34	Công ty Việt Hóa Nông + Nông Khang	1.000	1.500	1.500	Phân bón	x
35	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tiến Phước	1.100	1.500	1.500	Phân bón	x
36	Công ty TNHH MTV Minh Tân	8000	8500	8500	Phân bón	x
37	Công ty cổ phần Vissai + Vicem	12.000	12.500	12.500	Xi măng	x
38	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh học Phú Tài	9.500	10.000	10.000	Viên gỗ nén	x
39	Công ty CP Nông Trại Xanh	3.400	3.500	3.500	Viên gỗ nén	x
40	Công ty An Việt Phát	4.300	4.500	4.500	Viên gỗ nén	x
41	Công ty cổ phần Thành Ngân + Nguyệt Anh	4.600	5.000	5.000	Viên gỗ nén	x
42	Công ty Tôn Hoa Sen	10.000	15.000	15.000	Tôn cuộn + sắt	x
43	Công ty Kim Quốc + Thép Vương	6.000	7.000	7.000	Tôn cuộn + sắt	x
44	Công ty CP VT Nhật Hải Đăng	2.800	3.000	3.000	TAGS	x
45	Công ty CP GreenFeed Việt Nam - CN BĐ	2.200	2.500	2.500	TAGS	x
46	Công ty TNHH MTV CON CÒ BĐ	1.500	2.000	2.000	TAGS	x
47	Công ty TNHH Thương Mại Qúi Phước	2.550	3.000	3.000	TAGS	x
	TỔNG CỘNG	**522.865**	**613.310**	**613.310**		

Nguồn: QNP

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2021 đến 2022

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất

Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 điều chỉnh (*) (đồng)	Năm 2022 (đồng)	% tăng (giảm)	09 tháng năm 2023
Tổng giá trị tài sản	1.061.486.843.169	1.084.912.834.704	2,21%	1.323.805.224.139
Vốn chủ sở hữu	850.757.828.593	776.866.484.024	-8,69%	852.449.574.922
Doanh thu thuần	1.310.799.164.071	1.069.095.715.587	-18,44%	695.482.288.234
Lợi nhuận gộp	492.486.594.223	177.326.117.929	-63,99%	153.326.152.510
Lợi nhuận từ HĐKD	425.946.032.034	66.606.236.431	-84,36%	110.613.223.119
Lợi nhuận khác	-6.229.836.486	1.351.596.218	-121,70%	857.215.215
Lợi nhuận trước thuế	419.716.195.548	67.957.832.649	-83,81%	111.470.438.334
Lợi nhuận sau thuế	335.935.846.498	44.163.555.431	-86,85%	89.162.520.898
Biên lợi nhuận gộp	37,57%	16,59%	-55,85%	22,05%
Biên lợi nhuận sau thuế	25,63%	4,13%	-83,88%	12,82%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	12%	-40%	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	24,43%	6,24%	-74,45	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân[6]	46%	5,43%	-88,2%	

** Theo số liệu điều chỉnh đầu kỳ trên BCTC kiểm toán năm 2022 của QNP*

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2021 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Trong giai đoạn 2021-2022, giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu có nhiều biến động, cụ thể giá trị Tổng tài sản năm 2022 đạt trên 1.084 tỷ đồng tương ứng tăng 2,21% so với cùng kỳ, Vốn chủ sở hữu năm 2022 đạt trên 776 tỷ đồng tương ứng giảm 8,69% so với cùng kỳ. Về kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần từ hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng giảm 18,44%, đạt trên 1.069 tỷ đồng trong năm 2022. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2022 đều giảm lần lượt 83,81% và 86,85% so với cùng kỳ năm 2021.

Một số chỉ tiêu tài chính riêng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	09 tháng năm 2023

[6] Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân = Lợi nhuận sau thuế năm 2021 / [(Vốn chủ sỡ hữu năm 2020 (đã điều chỉnh) + Vốn chủ sở hữu năm 2021)]/2

	(đồng)	(đồng)
Tổng giá trị tài sản	992.237.310.170	1.191.471.221.645
Vốn chủ sở hữu	769.640.498.050	839.170.280.617
Doanh thu thuần	823.491.368.908	390.451.143.702
Lợi nhuận gộp	167.612.113.481	137.746.447.548
Lợi nhuận từ HĐKD	61.042.417.432	101.049.205.406
Lợi nhuận khác	1.351.636.744	873.577.561
Lợi nhuận trước thuế	62.394.054.176	101.922.782.967
Lợi nhuận sau thuế	39.642.940.758	81.694.782.567
Biên lợi nhuận gộp	20,35%	35,28%
Biên lợi nhuận sau thuế	4,81%	20,92%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

6.2. Thông tin về việc điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

➢ **Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể các điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225.501.406.095	226.375.690.095	874.284.000	(i)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	8.630.549.799	8.668.209.416	37.659.617	(i)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.051.503.655)	(5.607.937.190)	1.443.566.465	(i)
- Hàng tồn kho	141	20.764.987.267	21.115.205.246	350.217.979	(i)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.920.570.885	37.083.446.349	2.162.875.464	(i)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.608.000.000	10.313.371.301	2.705.371.301	(ii)
- Tổng cộng tài sản	270	1.053.912.868.343	1.061.486.843.169	7.573.974.826	(iii)
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	139.690.438.483	138.465.438.483	(1.225.000.000)	(i)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.496.433.113	21.778.738.109	1.282.304.996	(i)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	329.184.965.586	336.701.635.417	7.516.669.831	(i), (ii)
- Tổng cộng nguồn vốn	440	1.053.912.868.343	1.061.486.843.169	7.573.974.826	(iii)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Giá vốn hàng bán	11	822.050.663.291	818.312.569.848	(3.738.093.443)	(i)
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.332.084.433	18.369.744.051	37.659.618	(i)
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	251.758.000	251.758.000	(ii)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.054.094.735	73.610.528.270	(1.443.566.465)	(i)
- Thu nhập khác	31	2.338.700.140	3.133.503.776	794.803.636	(i)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	413.450.314.386	419.716.195.548	6.265.881.162	(iii)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	82.577.524.418	83.780.349.050	1.202.824.632	(i)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	330.872.789.968	335.935.846.498	5.063.056.530	(iii)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	8.188	8.313	125	(iii)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
- Lợi nhuận trước thuế	01	413.450.314.386	419.716.195.548	6.265.881.162	(i), (ii)
- Các khoản dự phòng	03	1.201.909.766	(241.656.699)	(1.443.566.465)	(i)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.445.641.205)	(18.735.058.823)	(289.417.618)	(i), (ii)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(108.032.248.885)	(108.906.532.885)	(874.284.000)	(i)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.678.742.087)	(2.028.960.066)	(350.217.979)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	77.736.294.886	76.590.775.250	(1.145.519.636)	(i)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.524.618.563)	(31.687.494.027)	(2.162.875.464)	(i)

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của QNP

Lý do điều chỉnh hồi tố:

i. Điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.

ii. Điều chỉnh do áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu lần đầu đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

iii. Do ảnh hưởng của các điều chỉnh (i) và (ii)

Ngoài ra tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 còn có Vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán viên như sau:

"Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi"

➢ **Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán riêng					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225.501.406.095	226.375.690.095	874.284.000	(i)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	8.630.549.799	8.668.209.416	37.659.617	(i)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.051.503.655)	(5.607.937.190)	1.443.566.465	(i)
- Hàng tồn kho	141	20.764.987.267	21.115.205.246	350.217.979	(i)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.920.570.885	37.083.446.349	2.162.875.464	(i)
- Tổng cộng tài sản	270	1.053.912.868.343	1.058.781.471.868	4.868.603.525	(i)
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	139.690.438.483	138.465.438.483	(1.225.000.000)	(i)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.496.433.113	21.778.738.109	1.282.304.996	(i)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	329.184.965.586	333.996.264.116	4.811.298.530	(i)
- Tổng cộng nguồn vốn	440	1.053.912.868.343	1.058.781.471.868	4.868.603.525	(i)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng					
- Giá vốn hàng bán	11	822.050.663.291	818.312.569.848	(3.738.093.443)	(i)
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.332.084.433	18.369.744.051	37.659.618	(i)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.054.094.735	73.610.528.270	(1.443.566.465)	(i)
- Thu nhập khác	31	2.338.700.140	3.133.503.776	794.803.636	(i)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	413.450.314.386	419.464.437.548	6.014.123.162	(i)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	82.577.524.418	83.780.349.050	1.202.824.632	(i)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	330.872.789.968	335.684.088.498	4.811.298.530	(i)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng					
- Lợi nhuận trước thuế	01	413.450.314.386	419.464.437.548	6.014.123.162	(i)
- Các khoản dự phòng	03	1.201.909.766	(241.656.699)	(1.443.566.465)	(i)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.445.641.205)	(18.483.300.823)	(37.659.618)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(108.032.248.885)	(108.906.532.885)	(874.284.000)	(i)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.678.742.087)	(2.028.960.066)	(350.217.979)	(i)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	77.736.294.886	76.590.775.250	(1.145.519.636)	(i)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.524.618.563)	(31.687.494.027)	(2.162.875.464)	(i)

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022 của QNP

Lý do điều chỉnh hồi tố: điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1102/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.

Ngoài ra tại Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 còn có Vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán viên như sau:

"Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 19 và Thuyết minh 28 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho nghĩa vụ pháp lý với số tiền là 53,67 tỷ VND theo Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước công việc để chuẩn bị tham gia vào thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ tranh chấp này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi."

6.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

➢ **Những nhân tố thuận lợi**

- Trong những năm gần đây, Việt Nam hội nhập kinh tế mạnh mẽ với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó các hoạt động thương mại vẫn thể hiện sự tăng trưởng mạnh so giai đoạn trước;
- Nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam phát triển ổn định và ghi nhận sự tăng trưởng cao, bình quân đạt mức 6,53%/năm trong giai đoạn 2015-2017, đạt mức 7,08% và 7,02% lần lượt vào năm 2018 và 2019. Yếu tố lạm phát tiếp tục được kiểm soát và đạt mục tiêu của Quốc hội đề ra, qua đó hỗ trợ nền kinh tế phát triển và đạt nhiều thành tựu;
- Các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) của Việt Nam với các đối tác trên thế giới được ký kết và thông qua sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng về hàng hóa xuất nhập khẩu qua hệ thống các cảng biển của Việt Nam trong các năm tiếp theo. Đặc biệt, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, Việt Nam có cơ hội mở rộng hợp tác kinh tế với các doanh nghiệp tại 27 quốc gia thành viên của thị trường Liên minh Châu Âu, góp phần giải quyết các vấn đề về mở rộng, đa dạng hóa thị trường và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu;
- Sự quan tâm và tạo điều kiện phát triển của Chính phủ và Nhà nước thông qua việc phê duyệt Đề án Xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh theo hướng phát triển vận tải đa phương thức, kết nối giữa các hình thức vận tải khác nhau, chú trọng áp dụng công nghệ thông tin để giảm thiểu chi phí vận tải tạo thuận lợi cho lưu thông, phân phối hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp theo Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 07/06/2019; và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sẽ tạo tiền đề cho việc tái cấu trúc, phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam và ngành logistics.
- Thương hiệu Cảng Quy Nhơn được tiếp tục khẳng định vị thế trên ngành cảng biển Miền Trung, đặc biệt trong năm 2019, Công ty đã tổ chức thông qua tấn hàng thứ 9 triệu tại Cảng Quy Nhơn.

- Theo quy hoạch đến năm 2035, tỉnh Bình Định sẽ phát triển theo hướng dịch vụ, công nghiệp, du lịch sẽ thúc đẩy hình thành nhiều khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, hệ thống giao thống kết nối với các khu công nghiệp và các tỉnh Tây Nguyên, từ đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa qua khu vực Cảng Quy Nhơn;
- Cùng với những thuận lợi khách quan đến từ các Hiệp định thương mại tự do, kinh tế vĩ mô và sự quan tâm của Nhà nước còn có sự nổ lực của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong việc đổi mới mô hình quản trị, tái cơ cấu doanh nghiệp sau khi hoàn thành việc cổ phần hóa. Ngoài ra, còn có sự nổ lực vươn lên trong mọi hoạt động của tập thể lãnh đạo, người lao động của Cảng Quy Nhơn nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh ngày càng cao hơn.

➢ **Những nhân tố khó khăn**

- Tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp và còn nhiều biến động khó lường, trong đó cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn biến phức tạp và căng thẳng. Các rào cản thương mại giữa các quốc gia được dựng lên ngày càng nhiều thông qua việc áp thuế chống bán phá giá đã gây khó khăn cho hàng hóa luân chuyển giữa các quốc gia;
- Từ đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid - 19 trên thế giới và Việt Nam diễn ra phức tạp, mặc dù Chính phủ và Nhà nước đã có nhiều biện pháp phòng chống dịch bệnh xảy ra trong nước. Nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn do tình trạng đóng cửa biên giới các quốc gia và vùng lãnh thổ, nguồn cầu suy giảm...có thể ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu trong khu vực và thế giới, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong ngành cảng biển như Cảng Quy Nhơn.
- Với đặc điểm của 1 tỉnh giáp biển, tỉnh Bình Định thường bị ảnh hưởng của thời tiết mưa, bão vào các tháng 9 đến tháng 12 trong năm nên việc làm các hàng tổng hợp, đặc biệt là hàng bao và hàng dăm gỗ gặp nhiều khó khăn, thậm chí là không thể làm hàng. Ngoài ra, do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch khai thác xếp dỡ hàng thông qua cảng, từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Trong hệ thống Cảng biển Việt Nam, Cảng Quy Nhơn là Cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I của nhóm Cảng biển Nam Trung Bộ, nằm trong Vịnh Quy Nhơn, có bán đảo Phương Mai che chắn, kín gió, thuận lợi cho tàu neo đậu và xếp dỡ hàng quanh năm. Nằm ở điểm đầu của Quốc lộ 19, nối liền Quốc lộ 1A và Quốc lộ 14, Cảng Quy Nhơn được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, các nước trong Tiểu vùng sông Mê Kông và của cả tuyến đường Hành lang Kinh tế Đông – Tây. Ngoài ra, Cảng Quy Nhơn còn có lợi thế đặc biệt khi nằm sát tuyến đường hàng hải quốc tế, giữ vị trí trung tâm của các nước trong vùng Đông Nam Á và Đông Á, có trên 10 tuyến đường biển nối với các cảng quốc tế như: Manila (Phillipnes), Singapore, Hồng Kông, Cao Hùng (Đài Loan), Bangkok (Thái Lan), Tokyo (Nhật Bản)…nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra vào.

Trong những năm qua, Cảng Quy Nhơn được khách hàng tín nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp trong việc xử lý các khó khăn, vướng mắc. Cảng Quy Nhơn luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng Quy Nhơn nâng cao được khả năng cạng tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm. Sau khi chuyển đổi từ mô hình doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần, Cảng Quy Nhơn đã lập được nhiều dấu mốc tăng trưởng ấn tượng. Năm 2020, sản lượng hàng hóa thông qua cảng là 11.037.118 tấn, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2019, doanh thu thuần đạt hơn 835 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 142 tỷ đồng. Năm 2021, doanh thu thuần đạt hơn 1.310 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 413 tỷ đồng. Năm 2022, doanh thu thuần đạt hơn 1.069 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 68 tỷ đồng.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Điều kiện tự nhiên thuận lợi

Với đặc điểm là quốc gia ven biển, Việt Nam sở hữu đường bờ biển dài hơn 3.260 km, nằm ở các vị trí đắt địa trên trục đường vận tải biển ở Khu vực Đông Nam Á và các điểm đến

khác trên thế giới. Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông – một trong những tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp nhất trên thế giới, kết nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, rất thuận lợi cho việc giao lưu thương mại quốc tế và hội nhập kinh tế biển. Theo số liệu thống kê của Cục Hàng Hải Việt Nam, trước bối cảnh đại dịch Covid-19 trong năm 2020, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tại Việt Nam (không bao gồm hàng hóa quá cảng chưa bốc dỡ tại cảng) là hơn 689 triệu tấn, riêng khối lượng hàng container ước đạt 2,6 triệu Teus, tăng 8% so với năm 2019, trong đó khối lượng hàng xuất khẩu trong năm đạt hơn 175 triệu tấn, hàng nhập khẩu đạt hơn 224 triệu tấn, hàng nội địa đạt hơn 286 triệu tấn và hàng quá cảng xếp dỡ đạt gần 2 triệu tấn.

Xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh

Ngày 07/06/2019, Chính phủ đã phê duyệt đề án xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh theo Quyết định 703/QĐ-TTg nhằm đẩy mạnh tái cấu trúc, phát triển ngành logistics. Đề án 703/QĐ-TTg được thông qua sẽ thúc đẩy ngành cảng biển phát triển, thị trường vận tải sẽ cạnh tranh lành mạnh, phát triển hài hòa, hợp lý các phương thức vận tải, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistic. Đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp vận tải và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải.

Các Hiệp định FTA được ký kết và có hiệu lực

Ngoài các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết và có hiệu lực thì Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) - Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 sẽ đem lại nhiều cơ hội cho nền xuất khẩu Việt Nam, giúp đa dạng hóa các mặt hàng nông, thủy sản và các mặt hàng Việt Nam có nhiều lợi thế cạnh tranh, từ đó thúc đẩy việc giao thương giữa Việt Nam và các nước trong Hiệp định. Với việc gia tăng các hoạt động thương mại quốc tế có thể góp phần gia tăng sản lượng hàng hóa qua các cảng Việt Nam, nhu cầu vận chuyển ngày một tăng, là một trong những điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực cảng biển.

Hưởng lợi một phần từ chiến tranh thương mại Mỹ- Trung

Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang có những diễn biến phức tạp có thể tạo ra cơ hội cho Việt Nam trong việc được xem là điểm đến thay thế của dòng lưu chuyển hàng hóa quốc tế. Với đặc điểm sở hữu nguồn lao động lớn với chi phí thấp, môi trường chính trị ổn định và các chính thương mại mở cửa, giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa mà Trung Quốc bị đánh thuế có thể sẽ tăng trưởng cao hơn so với các năm trước, do đó sẽ góp phần thúc đẩy nhu cầu vận chuyển quốc tế đi và đến Việt Nam thông qua các hệ thống cảng biển trong nước.

Lưu lượng hàng hóa qua cảng biển Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan

Theo số liệu của Cục Hàng hải Việt Nam, sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng năm 2022 đạt 608,3 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, bằng 84% so với kế hoạch năm (725,3 triệu tấn). Trong số đó, lượng hàng xuất nhập khẩu có xu hướng giảm nhẹ so với

cùng kỳ. Hàng nội địa có xu hướng tăng, đạt 284,6 triệu tấn, tăng khoảng 4%. Đáng chú ý, sản lượng container tính theo Teus chỉ tăng nhẹ 4%, đạt 20,8 triệu Teus, và bằng 84% kế hoạch trong năm. Trong đó, hàng container nhập khẩu có tỷ lệ tăng mạnh nhất với hơn 7,1 triệu Teus, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

CTCP Cảng Quy Nhơn đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do đó tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ được so sánh với các công ty khác có hoạt động gần giống Công ty và cũng đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán trong niên độ 2020, bao gồm: Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ("CQN"), Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ ("DVP"), Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá ("DXP") và Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("VSC").

So sánh tình hình hoạt động với một số Công ty trong ngành cảng biển đang niêm yết

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tiêu chí	QNP	CQN	DVP	DXP	VSC
1	Vốn điều lệ	404.100	750.499	400.000	272.820	1.212.694
2	VCSH	776.866	942.372	1.382.834	563.193	3.201.200
3	Tổng Tài sản	1.084.913	1.075.254	1.497.819	585.769	4.366.810
4	Doanh thu thuần	1.069.096	1.075.254	584.924	107.826	2.007.397
5	Giá vốn hàng bán	891.770	527.803	274.417	59.130	2.007.397
6	Lợi nhuận gộp	177.326	156.459	310.506	48.697	658.729
7	LN thuần từ HĐKD	66.606	100.876	345.840	44.653	484.003
8	Lợi nhuận khác	1.352	18.329	-784	474	-7.090
9	LNTT	67.958	119.205	345.056	45.127	476.913
10	Thuế TNDN	23.794	24.066	61.676	10.482	83.774
11	LNST	44.164	95.139	283.380	34.645	393.139
12	LNST Công ty Mẹ	44.164	95.139	283.380	34.645	393.139
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.093	1.268	7.085	1.270	2.451
14	Tỷ suất LNST/DTT	4,13%	8,85%	48,45%	32,13%	19,58%

TT	Tiêu chí	QNP	CQN	DVP	DXP	VSC
15	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	5,43%	10,14%	20,57%	6,41%	13,92%
16	Tỷ suất LNST/TTS (ROA)	4,12%	8,97%	18,91%	6,19%	10,30%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022 của QNP và số liệu BSC tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2022 của các công ty

So sánh các chỉ tiêu tài chính với một số công ty ngành cảng biển đang niêm yết

Các chỉ tiêu	ĐVT	QNP	CQN	DVP	DXP	VSC
1. Khả năng thanh toán						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,96	2,74	10,59	5,79	3,01
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,88	2,36	10,45	5,57	2,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,28	0,12	0,77	0,39	0,27
+ Hệ số Nợ/VCSH	Lần	0,4	0,14	0,08	0,04	0,36
3. Năng lực hoạt động						
+ Vòng quay HTK	Vòng	39	12,19	28,95	14,35	54,89
+ Vòng quay TTS BQ	Vòng	-	0,65	0,39	0,19	0,53
4. Tỷ suất sinh lời						
+ Hệ số LNST/DTT	%	4,13	13,9	48,45	32,13	19,58
+ Hệ số LNST/ VCSH BQ (ROE)	%	5,43	10,14	20,57	6,41	13,92
+ Hệ số LNST/Tài sản BQ (ROA)	%	4,12	8,97	18,91	6,19	10,30
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	6,23	14,74	59,13	41,41	24,11
+ EPS	Đồng/cp	1.093	1.268	7.085	1.279	2.769

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn có quy mô vốn điều lệ tính đến cuối năm 2022 là hơn 404 tỷ đồng, thấp hơn so với mức vốn điều lệ của CTCP Cảng Quảng Ninh, CTCP Container Việt Nam và cao hơn so với các doanh nghiệp so sánh. Hiện tại Cảng Quy Nhơn đang có cơ cấu nợ khá thấp, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh và tài chính. Đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong năm 2022 doanh thu thuần của Cảng Quy Nhơn đạt hơn 1.069 tỷ đồng, hệ số ROAA và ROEA đạt lần lượt 4,12% và 5,43%.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Định hướng phát triển của Công ty

Theo xu hướng hội nhập và phát triển, Cảng Quy Nhơn được định hướng sẽ là Cảng trọng điểm ở khu vực miền Trung, là đầu mối giao thương trong tuyến hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền vùng kinh tế Miền Trung – Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Bắc Thái Lan ra hướng biển. Năm 2018, sản lượng thông qua Cảng đạt hơn 8,3 triệu tấn. Đặc biệt, năm 2019 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt hơn 9 triệu tấn, vượt công suất thiết kế. Do đó, để đủ năng lực tiếp nhận hàng hóa thông qua trong thời gian sắp tới, Cảng Quy Nhơn dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện nâng cấp, mở rộng phát triển không gian Cảng Quy Nhơn nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa trong khu vực.

Trong chiến lược dài hạn, CTCP Cảng Quy Nhơn sẽ tiếp tục tập trung triển khai quy hoạch phát triển mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 sau khi được Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Đồng thời tăng cường đầu tư hạ tầng kho bãi, phương tiện, thiết bị công nghệ sản xuất đáp ứng nhu cầu nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh, góp phần vào tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển đất nước.

Định hướng phát triển ngành cảng biển Việt Nam

Ngày 24/06/2014, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, theo đó đã xác định các nội dung sau:

- **Mục tiêu chung:**

  Phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển, đồng thời góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển.

- **Mục tiêu cụ thể:**

- Bảo đảm thông qua toàn bộ lượng hàng xuất nhập khẩu và giao lưu giữa các vùng, miền trong nước bằng đường biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với năng lực theo quy hoạch của hệ thống cảng biển tại các thời điểm quy hoạch, cụ thể: khoảng từ 640 đến 680 triệu tấn/năm (trong đó hàng tổng hợp, container từ 375 đến 400 triệu tấn/năm) vào năm 2020 và khoảng từ 1.040 đến 1.160 triệu tấn/năm (trong đó hàng tổng hợp, container từ 630 đến 715 triệu tấn/năm) vào năm 2030;
- Tập trung xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế tại Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (khi có điều kiện) tiếp nhận được tàu trọng tải đến 100.000 tấn (tàu container 8.000 TEU) hoặc lớn hơn, đủ năng lực để có thể kết hợp vai trò trung chuyển container quốc tế;
- Cải tạo, nâng cấp các cảng đầu mối hiện có; xây dựng có trọng điểm một số cảng địa phương theo chức năng, quy mô phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động vốn;
- Phát triển cảng tại các huyện đảo với quy mô phù hợp để tiếp nhận hàng hóa, hành khách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- Khắc phục tình trạng lạc hậu về trình độ kỹ thuật - công nghệ, yếu kém về chất lượng phục vụ, tăng khả năng cạnh tranh trong hội nhập quốc tế về cảng biển;
- Nghiên cứu kết hợp chính trị với nạo vét để cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng, đảm bảo cho tàu lớn vào, rời cảng thuận lợi, an toàn, đồng bộ với quy mô cầu bến và phù hợp với chức năng, vai trò của cảng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới

Có thể thấy, mục tiêu chung mà ngành cảng biển là tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước. Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trên toàn quốc, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành được đánh giá khá cao, hứa hẹn tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành, lượng hàng hóa thông quả Cảng Quy Nhơn đều tăng trưởng trong những năm gần đây khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước.

Như vậy, về cơ bản, tình hình hoạt động kinh doanh hiện nay và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo của Cảng Quy Nhơn được xem là hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành cảng biển. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển và nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, nhất là trong việc triển khải nâng cấp, mở rộng khu vực cảng để đảm bảo vận hành tàu ra vào thuận lợi và an toàn.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. *Số lượng và cơ cấu lao động*

Tổng số lao động tại thời điểm 30/09/2023 của Công ty là ***791 người*** với cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2023 (bao gồm cả công ty con)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ			
1	Cán bộ có trình độ đại học, trên đại học	201	*25,41%*
2	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	49	*6,19%*
3	Lao động phổ thông	541	*68,39%*
Phân loại theo phòng ban chức năng			
1	Khối quản lý	146	*18,46%*
2	Khối sản xuất chính	460	*58,15%*
3	Khối phục vụ	111	*14,03%*
4	Khối kinh doanh khác	74	*9,36%*
Tổng cộng		**791**	**100,00%**

Nguồn: QNP

8.2. *Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp*

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, QNP đã tạo mọi điều kiện cho người lao động, đặc biệt là lao động có trình độ, có tay nghề cao, yên tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, chính sách đãi ngộ lao động luôn được QNP xem trọng và liên tục cải thiện. Tại QNP, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đủ sức cạnh tranh trong thị trường lao động.

Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của Công ty:

- 100% CBCNV được tham gia Bảo hiểm xã hội, BHYT.
- Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng.
- Tổ chức cho người lao động được tham quan, nghỉ mát và tham gia các phong trào Văn thể mỹ là các hoạt động thường niên của Công ty.
- Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất… luôn được áp dụng.

- Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sẽ được tôn vinh và khen thưởng xứng đáng, kịp thời, công khai và công bằng; các danh hiệu thi đua cuối năm cho tập thể, cá nhân cũng được thưởng theo Quy chế Thi đua khen thưởng do Công ty ban hành.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng cưới hỏi, ốm đau, hiếu hỷ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu, quốc tế phụ nữ…)

Đồng thời, QNP có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực, có thành tích trong lao động được Ban TGĐ, Hội đồng thi đua của QNP đánh giá cao để đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho Công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo bổ sung kiến thức chuyên môn, quản lý để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty cũng rất chú trọng việc chiêu mộ những nhân sự bên ngoài có trình độ cao, có năng lực thật sự về làm việc lâu dài cho Công ty bằng chính sách đãi ngộ đặc biệt, như: môi trường làm việc, điều kiện trau dồi kiến thức, giao trọng trách, thu nhập thỏa đáng, cơ hội thăng tiến vượt bậc.

a. Chính sách đào tạo

QNP luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, QNP đã xây dựng quy trình đào tạo khoa học, hệ thống nhằm mang lại hiệu quả cao. Tại QNP, mọi CBCNV đều được đào tạo nâng cao kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt nhất công việc được giao.

- Đội ngũ nhân viên tại Công ty thường xuyên được huấn luyện về kỹ năng thực hiện theo tiêu chuẩn ISO để nhận thức và hiểu rõ từng khâu trong quá trình sản xuất.
- Lực lượng bảo vệ, an ninh trật tự thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ để chủ động xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện, hàng hóa ra vào cảng. Đồng thời, có những biện pháp giải quyết kịp thời các trường hợp ách tắc tại các cầu tàu, trạm cân và khu vực sản xuất; đặc biệt là trong các dịp cao điểm và lễ tết.
- Đội ngũ tiếp thị luôn được trau dồi về khả năng giao tiếp, marketing và kỹ năng bán hàng.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu, nâng cao như: Đào tạo kỹ thuật nâng cao, Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước.

b. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty.

Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Định công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Mức lương bình quân	14.200.000	14.398.000	17.800.000	15.500.000

Nguồn: QNP

QNP luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ Luật lao động. Xây dựng Nội quy Lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở Lao động Thương binh và Xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn con người.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Mức cổ tức được chi trả cho cổ đông trong giai đoạn 2018 – 2022 như sau:

Lịch sử chi trả cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng cổ tức chi trả (đồng)	64.655.920.000	64.655.920.000	68.696.915.000	80.819.900.000	48.491.940.000
Cổ tức bằng tiền (đồng/cp)	1.600	1.600	1.700	2.000	1.200

Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	16%	16%	17%	20%	12%
Thời điểm chi trả	Tháng 06/2019	Tháng 12/2020	Tháng 11/2021	Tháng 11/2022	Tháng 10/2023

Nguồn: QNP

Tình hình hoạt động tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Chi tiết khấu hao tài sản

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
2	Máy móc, thiết bị	03 - 12
3	Phương tiện vận tải	04 - 15
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
5	Phần mềm quản lý	03 - 08

Nguồn: QNP

b. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty là 17,8 triệu đồng/người/tháng trong năm 2021. Mức lương này cùng mức so với một số công ty cùng ngành trong khu vực, cụ thể tại Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là 16 triệu đồng/người/tháng, tại Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là 11 triệu đồng/người/tháng. Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2022 là 15,5 triệu đồng/người/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Căn cứ theo các văn bản số 198/TB-CTBDI, 631/TB-CCT-KĐT ngày 03/03/2022, số 750/TB-CCT-KĐT ngày 27/02/2023 và 234/TB-CTBDI-KDT ngày

15/03/2023 của Cục thuế Bình Định, công ty đã hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế năm 2021 và năm 2022.

Số dư các khoản thuế, phí phải nộp hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Thuế GTGT đầu ra	79.480.364	832.614.717	718.558.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.037.350.303	6.855.443.853	15.073.406.697
Thuế thu nhập cá nhân	1.661.907.442	93.265.973	42.253.607
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(3.904.633.458)	-	24.438.718.837
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	**17.874.104.651**	**7.781.324.543**	**40.272.937.588**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Số dư các khoản thuế, phí phải nộp riêng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/09/2023
Thuế GTGT đầu ra	832.614.717	418.546.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.598.289.960	13.955.898.943
Thuế thu nhập cá nhân	87.792.547	36.747.583
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	24.438.718.837
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	**7.518.697.224**	**38.849.911.726**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Tình hình số dư các quỹ hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ đầu tư phát triển	109.956.693.176	275.392.693.176	288.533.873.176

Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.094.138.764	15.794.895.075	14.791.525.275

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Tình hình số dư các quỹ riêng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ đầu tư phát triển	275.392.693.176	287.285.693.176
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.566.821.088	13.767.821.288

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

d. Tổng dư nợ vay:

Tình hình dư nợ vay

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2022	30/09/2023
Vay thanh toán cho Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn	-	180.568.311.392

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Trong Quý 1/2023, Công ty đã ký kết hợp đồng vay vốn cho dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn với tổng hạn mức vay 327,828 tỷ đồng, thời hạn vay 10 năm. Công ty ghi nhận khoản nợ vay tính đến 30/09/2023 hơn 180 tỷ đồng.

e. Tình hình công nợ hiện nay

- Tình hình các khoản phải thu

Các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	***281.250.393.886***	***168.875.939.076***	**226.304.165.589**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	226.375.690.095	148.427.531.410	203.198.794.694
Trả trước cho người bán ngắn hạn	51.814.431.565	18.227.189.157	13.293.591.380
Phải thu ngắn hạn khác	8.668.209.416	7.112.154.619	15.119.087.150
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-5.607.937.190	-4.890.936.110	-5.307.307.635
Các khoản phải thu dài hạn	***7.448.273.000***	***7.348.273.000***	7.348.273.000
Phải thu dài hạn khác	7.448.273.000	7.348.273.000	7.348.273.000

TỔNG CỘNG	**288.698.666.886**	**176.224.212.076**	**233.652.438.589**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

Trong giai đoạn 2021-2022, cơ cấu khoản phải thu của Công ty chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 95,4%, còn lại là các khoản phải thu dài hạn. Các khoản phải thu ngắn hạn đạt quy mô trên 168 tỷ đồng tại 31/12/2022; trong đó, khoản phải thu chính là phải thu của khách hàng - phần lớn là các đơn vị vận tải biển. Bên cạnh đó, phải thu dài hạn của Công ty ghi nhận từ các khoản ký cược, ký quỹ.

Các khoản phải thu riêng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	***86.273.259.409***	***101.241.664.961***
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.155.022.168	79.617.960.917
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.212.189.157	13.224.991.380
Phải thu ngắn hạn khác	6.796.984.194	13.043.470.027
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.890.936.110)	-4.644.757.363
Các khoản phải thu dài hạn	***7.348.273.000***	***7.348.273.000***
Phải thu dài hạn khác	7.348.273.000	7.348.273.000
TỔNG CỘNG	**93.621.532.409**	**108.589.937.961**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

- Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Nợ ngắn hạn	***210.729.014.576***	***308.046.350.680***	***290.787.337.825***
Phải trả người bán ngắn hạn	138.465.438.483	196.843.008.855	182.860.657.143
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.590.580.601	1.763.341.129	4.208.027.058
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.778.738.109	7.781.324.543	40.272.937.588
Phải trả người lao động	36.711.316.914	27.727.534.113	41.653.992.238
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.682.576.747	3.069.931.733	3.975.279.234
Phải trả ngắn hạn khác	2.406.224.959	1.395.133.698	3.024.919.289
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.094.138.764	15.794.895.075	14.791.525.275
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn		53.671.181.534	-
Nợ dài hạn	-	-	***180.568.311.392***

Vay dài hạn			180.568.311.392
TỔNG CỘNG	***210.729.014.576***	***308.046.350.680***	***471.355.649.217***

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3/năm 2023 của QNP

Công ty không có nợ dài hạn tại các thời điểm lập báo cáo trong giai đoạn từ 2021-2022. Các khoản mục có giá trị lớn nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn gồm: phải trả người lao động, phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn, và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Trong khi đó, chi phí phải trả ngắn hạn gồm chi phí vận chuyển .... Quý 1/2023, Công ty đã ký kết hợp đồng vay vốn để thanh toán các khoản chi phí thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy với tổng hạn mức vay hơn 327 tỷ đồng, thời hạn 10 năm. Nợ gốc vay tính đến 30/09/2023 là 180,5 tỷ đồng.

Nợ phải trả riêng

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/09/2023
Nợ ngắn hạn	***222.596.812.120***	***171.732.629.636***
Phải trả người bán ngắn hạn	116.005.221.391	71.897.637.060
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.763.341.129	4.160.849.418
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.518.697.224	38.849.911.726
Phải trả người lao động	26.612.481.656	39.973.282.055
Chi phí phải trả ngắn hạn	70.000.000	65.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.389.068.098	3.018.128.089
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.566.821088	13.767.821.288
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	53.671.181.534	-
Nợ dài hạn	-	***180.568.311.392***
Vay dài hạn	-	180.568.311.392
TỔNG CỘNG	***222.596.812.120***	**352.300.941.028**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2022 và BCTC riêng Quý 3 năm 2023 của QNP

f. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,80	1,96
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	3,70	1,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,20	0,28
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,25	0,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	40,71	39,02
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,45	1,00
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		25,63%	4,13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		46,26%	5,43%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân		37,15%	4,12%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần		32,50%	6,23%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	8.313	1.093

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và 2022 của QNP

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2021-2022 của Công ty khá ổn định và đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh.

- ***Về khả năng thanh toán:*** Các hệ số về khả năng thanh toán gồm hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là những hệ số quan trọng thể hiện năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu trả nợ của một doanh nghiệp. Các hệ số này nên ở mức lớn hơn 1 – mức đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, phản ánh khả năng hoàn thành tốt các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.
- ***Về hệ số cơ cấu vốn:*** Như đã phân tích về tình hình công nợ của ở đề mục trên, Công ty không ghi nhận nợ dài hạn trong giai đoạn 2021 - 2022 đến nay. Các hệ số nợ trên tổng tài sản hay trên vốn chủ sở hữu của Cảng Quy Nhơn đều ở mức thấp, cho thấy Công ty có năng lực tự chủ tài chính tốt.

- ***Về năng lực hoạt động:***

  Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho. Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao thường cho thấy hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu, hàng hóa, và chi phí sản xuất, xây dựng dở dang. Trong giai đoạn 2021 - 2022, khả năng quản lý hàng tồn kho của Công ty không có nhiều biến động, với hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt trung bình 39,86.

  Hệ số vòng quay tổng tài sản dùng để đánh giá hiệu quả việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp, cụ thể cho biết mỗi một đồng tài sản có bao nhiêu đồng doanh thu được tạo ra. Trong giai đoạn 2021 - 2022, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đạt ổn định, trung bình ở mức 1,23.

- ***Về khả năng sinh lời:*** Nhờ sự phục hồi đà tăng trưởng tích cực, các hệ số năm 2021 biến động tăng vượt trội so với 2020. Do đó các hệ số lợi nhuận của năm 2021 – 2022 như sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) và hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA) trung bình ở mức khoảng 25,8% và 20,64%.

10. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGĐ và Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CCCD
1	Ông Nguyễn Quang Dũng	49	Chủ tịch HĐQT	019074000286
2	Ông Lê Hồng Quân	46	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	025077000148
3	Ông Phan Tuấn Linh	48	Thành viên HĐQT	001075012665
4	Ông Nguyễn Thành Nam	47	Thành viên HĐQT	211593668
5	Ông Phạm Đăng Cao	47	Thành viên HĐQT	033076014278

- Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT
  - Ông **Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/12/1974
Nơi sinh	:	Xã Quyết Thắng, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CCCD	:	019074000286, ngày cấp: 27/12/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
Quê quán	:	Xã Hồng An, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	:	35 Sunrise B KĐT The Manor Central Park, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá	:	12/12

Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật Kinh tế
Quá trình công tác	:	
03/1997 – 09/2002	:	Cán bộ Ban Pháp chế Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
10/2002 – 05/2004	:	Cán bộ Công ty Tư vấn Hàng hải – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
06/2004 – 11/2006	:	Trưởng Phòng Tư vấn – Dự án Công ty Tư vấn Hàng hải – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
12/2006 – 03/2012	:	Phó giám đốc Công ty Tư vấn Hàng hải – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
04/2012 – 03/2013	:	Cán bộ Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
04/2013 – 11/2013	:	Phó trưởng Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
12/2013 – 06/2015	:	Phó trưởng Ban Đổi mới doanh nghiệp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
07/2015 – 04/2018	:	Phó trưởng Ban Chiến lược phát triển và Truyền thông nay đổi tên là Ban Truyền thông – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
05/2018 – Nay	:	Trưởng ban Pháp chế và Quản trị rủi ro Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
03/2015 – 04/2017	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ
07/2014 – 07/2019	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
07/2019 – 04/2021	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng
07/2000 – Nay	:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin
05/2022 - Nay	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Đình Vũ
05/2023 – 11/2023	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
11/2023 - nay	:	Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Pháp chế và Quản trị rủi ro Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ
Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ	:	**17.174.608 cổ phiếu**, chiếm 42,5% VĐL
	:	Đại diện nắm giữ: **17.174.608 cổ phiếu**, chiếm 42,5%
	:	VĐL
		Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu**, chiếm 0% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ	:	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP: 30.312.262 cổ phiếu

- Ông **Lê Hồng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	30/4/1977
Nơi sinh	:	Xã Hùng Xuyên, Đoan Hùng, Phú Thọ
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CCCD	:	025077000148, Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Quê quán	:	Xã Hùng Xuyên, Đoan Hùng, Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	:	P1106 CT1-C14 BCA, tổ dân phố số 16, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý hàng hải
Quá trình công tác	:	
4/2000 - tháng 6/2002	:	Lập trình viên tại Công ty TNHH Tùng Lâm - Phường Bách Khoa, Hà Nội
6/2002 - tháng 02/2004	:	Nhân viên Quản trị mạng – Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Hạ Long
02/2004 - tháng 11/2007	:	Tổ trưởng tổ Tin học - phòng Kế hoạch thương vụ - Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
11/2007 - tháng 5/2010	:	Trưởng phòng Kinh doanh thương vụ - Công ty Cổ phần

		Đầu tư Cảng Cái Lân
5/2010 - tháng 4/2015	:	Giám đốc Khai thác kiêm Chủ tịch Công đoàn - Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân
4/2015 - tháng 11/2016	:	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Dự án - Công ty TNHH Công trình Long River
11/2016 - tháng 5/2017	:	Chuyên viên Ban cảng biển và dịch vụ hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
5/2017 - tháng 8/2020	:	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân
8/2020 - tháng 7/2022	:	Trưởng Ban CB&DVHH – Tổng Công ty hàng hải Việt Nam – CTCP
10/2020 - tháng 12/2022	:	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH cảng Quốc tế Cái Mép
3/2021 - tháng 6/2022	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH khai thác container Việt Nam
8/2021 - tháng 11/2022	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cảng VIMC Đình Vũ
6/2022 - tháng 7/2022	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
7/2022 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
4/2023 - nay	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ	:	**8.086.031 cổ phiếu**, chiếm 20,01% VĐL Đại diện nắm giữ: **8.086.031 cổ phiếu**, chiếm 20,01% VĐL Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ	:	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP: 30.312.262 cổ phiếu

- Ông **Phan Tuấn Linh – Thành viên HĐQT**

Giới tính	:	Nam

Ngày tháng năm sinh	:	28/12/1975
Nơi sinh	:	Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CCCD	:	001075012665, ngày cấp: 23/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quê quán	:	Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	:	Số 22 khu Venice 14, Vinhome Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng – Việt Nam.
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư
Quá trình công tác	:	
08/1996 - 11/1999	:	Cán bộ kỹ thuật – Công ty Trafedil – Hải Phòng
12/1999 - 10/2002	:	Cán bộ kỹ thuật – XNXD & Vận tải thuỷ - Cảng Hải Phòng
11/2002 - 05/2004	:	Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư – Cảng Hải Phòng
05/2004 - 12/2004	:	Chuyên viên phòng Đầu tư và đổi mới công nghệ - Cảng Hải Phòng
12/2004 - 02/2007	:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật công nghệ - Cảng Hải Phòng
02/2007 - 07/2008	:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Cảng Hải Phòng
07/2008 - 04/2012	:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
04/2012 - 06/2013	:	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
06/2013 - 06/2014	:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
07/2014 - 08/2015	:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
09/2015 - 06/2019	:	Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
07/2019 - 06/2022	:	Người đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tại Công ty CP Cảng Quy Nhơn, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Cảng Quy Nhơn
06/2022 – 06/2023	:	Người đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tại Công ty CP Phát triển Hàng hải, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển Hàng hải(Vimadeco).
10/2022 – 06/2023	:	Người đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ (Cảng VIMC Đình Vũ).
07/2022 – 11/2023	:	Trưởng Ban Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải Tổng công ty

		Hàng hải Việt Nam.
12/2022 – 11/2023	:	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái mép (CMIT).
05/2023 – nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn).
05/2023 – 11/2023	:	Người đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tại Công ty CP Cảng Quy Nhơn, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
11/2023 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn
Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ	:	**0 cổ phiếu**, chiếm 0% VĐL Đại diện nắm giữ: **0 cổ phiếu**, chiếm 0% VĐL Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu**, chiếm 0% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ	:	Không

- Ông **Nguyễn Thành Nam – Thành viên HĐQT**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/9/1976
Nơi sinh	:	Mỹ Đức - Phù Mỹ - Bình Định
Số CMND	:	211593668 cấp ngày 26/06/2018 tại Công an Bình Định
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Mỹ Đức - Phù Mỹ - Bình Định
Địa chỉ thường trú	:	Số 80 đường Nguyễn Huệ - TP Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
03/2000 12/2001	:	Cán bộ Điều độ đi ca thuộc trung tâm điều độ xếp dỡ Cảng Quy Nhơn

01/2002	04/2007	:	Nhân viên Định mức Phòng Tổ chức Tiền lương Cảng Quy Nhơn
05/2007	01/2010	:	Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Tiền lương Cảng Quy Nhơn
02/2010	04/2011	:	Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Tiền lương Cảng Quy Nhơn; Kiểm soát viên công ty
05/2011	10/2013	:	Trưởng Phòng Tổ chức - Tiền lương Cảng Quy Nhơn; Kiểm soát viên
11/2013	12/2015	:	Trưởng Phòng Tổ chức- Tiền lương, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
01/2016	07/2016	:	Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
8/2016	9/2016	:	Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
10/2016	8/2017	:	Quyền Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
9/2017	12/2019	:	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
01/2020	6/2022	:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
6/2022	8/2022	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
9/2022	nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết		:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	**5.054.923 cổ phiếu** chiếm 12,508% VĐL, bao gồm**:** Sở hữu cá nhân: **3.300 cổ phiếu**, chiếm 0,008% VĐL Đại diện nắm giữ: **5.051.623 cổ phiếu,** chiếm 12,5% VĐL.
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	- Vợ: Võ Thị Đông Phương: 29.600 cổ phiếu - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP: 30.312.262 cổ phiếu.

- Ông **Phạm Đăng Cao – Thành viên HĐQT**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/08/1976
Nơi sinh	:	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Số CMND	:	033076014278, cấp ngày 10/5/2021: tại: Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Hưng Yên

Địa chỉ thường trú	:	44 Trần Quang Khải- Thành phố Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2000 Nay	:	Hoạt động trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên HĐQT CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ	:	**0 cổ phiếu** chiếm 0%VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **0 cổ phiếu** - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Theo quy định của Công ty
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP	:	Không

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CMND
1	Ông Đỗ Tuấn Nam	43	Trưởng Ban Kiểm soát	031080009486
2	Bà Vũ Thị Diệp	44	Thành viên Ban Kiểm soát	030179011092
3	Bà Phan Thị Mai	37	Thành viên Ban kiểm soát	040186002565

- Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát:
  - Ông **Đỗ Tuấn Nam – Trưởng Ban Kiểm soát**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/9/1980
Nơi sinh	:	Hải Phòng
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CCCD	:	031080009486, ngày cấp: 11/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quê quán	:	Xã An Đồng, Huyện An Dương, Tp. Hải Phòng
Địa chỉ thường trú	:	Số 26 ngõ 41, đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	

- 09/2002 đến 01/2004	:	Chuyên viên kế toán Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 01/2004 đến 10/2006	:	Chuyên viên kế toán Công ty QLTB Văn Lang (nay là Công ty VTB Vinalines) - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 10/2006 đến 02/2009	:	Chuyên viên kế toán Công ty Hàng hải Đông Đô (nay là Công ty CP Hàng hải Đông Đô)
- 02/2009 đến 7/2011	:	Phó trưởng phòng phụ trách Tài chính - Kế toán Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 7/2011 đến 11/2014	:	Trưởng phòng KTNB/ Chuyên viên cấp II Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 11/2014 đến 5/2015	:	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 5/2015 đến 01/2016	:	Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 01/2016 đến nay	:	Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- 5/2023 đến nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	:	Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ	:	**0 cổ phiếu**, chiếm 0% VĐL Đại diện nắm giữ: **0 cổ phiếu** Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP	:	Không

- Bà **Vũ Thị Diệp – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	18/6/1979
Nơi sinh	:	Hải Dương
Số CMND	:	030179011092, ngày cấp: 10/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh

			sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch		:	Việt Nam
Dân tộc		:	Kinh
Quê quán		:	Thị trấn Gia Lộc, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú		:	Căn hộ 3201 Tòa A10-CT1 Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác		:	
2002	2004	:	Nhân viên - Công ty TNHH Phúc Vinh
2004	2010	:	Nhân viên Kế toán - Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Y tế cộng đồng
2010	2012	:	Nhân viên Kế toán - Công ty Tư vấn Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
2012	2021	:	Chuyên viên Ban Truyền thông (trước đây là Ban Tư vấn Đổi mới phát triển doanh nghiệp, Ban Chiến lược phát triển và truyền thông, Ban Tuyên giáo Truyền thông) - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
6/2022	6/2023	:	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải
2021	Nay	:	Phó Trưởng Ban Truyền thông - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
4/2021	Nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
6/2019	Nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết		:	Thành viên BKS CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Phó Trưởng Ban Truyền thông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	**0 cổ phiếu** chiếm 0% VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **0 cổ phiếu** - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	Không

- Bà **Phan Thị Mai – Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính		:	Nữ
Ngày tháng năm sinh		:	15/09/1986
Nơi sinh		:	Xã Nam Thành, Yên Thành, Nghệ An
Số CMND		:	Việt Nam
Quốc tịch		:	Kinh
Dân tộc		:	040186002565 cấp ngày 07/11/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.
Quê quán		:	Xã Nam Thành, Yên Thành, Nghệ An
Địa chỉ thường trú		:	P. Nhà 20, Ngõ 97, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		:	
12/2008	03/2014	:	Nhân viên phòng TCHC Công ty Xăng dầu Vinalines Phía Bắc.
03/2014	nay	:	Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
06/2022	Nay		Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết		:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	0 cổ phiếu chiếm 0%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu - Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	Không

10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGĐ và KTT

Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ	CMND
1	Lê Hồng Quân	46	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	025077000148
2	Trần Vũ Thanh Quang	48	Phó Tổng Giám đốc	520750002162
3	Hồ Liên Nam	47	Phó Tổng Giám đốc	052076003602
4	Đặng Văn Hòa	50	Phó Tổng Giám đốc	010073001389

5	Nguyễn Kim Toàn	48	Kế toán trưởng	052075007529

- Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông **Lê Hồng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông **Trần Vũ Thanh Quang – Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính		:	Nam
Ngày tháng năm sinh		:	31/12/1975
Nơi sinh		:	Quy Nhơn, Bình Định
Số CMND		:	520750002162 cấp ngày 22/4/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch		:	Việt Nam
Dân tộc		:	Kinh
Quê quán		:	Nam Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam
Địa chỉ thường trú		:	40 Phạm Cự Lượng, phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Cử Nhân Kinh Tế
Quá trình công tác		:	
Từ 6/1998 đến	05/1999	:	NV giao nhận cầu tàu, Trung tâm Khai thác, Cảng Quy Nhơn
Từ 06/1999 đến	11/2001	:	NV Thống kê giao nhận cầu tàu, Trung tâm khai thác, Cảng Quy Nhơn
Từ 12/2001 đến	05/2007	:	Chuyên viên kế hoạch Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vu tổng hợp, Cảng Quy Nhơn
Từ 6/2007 đến	14/06/2010	:	Phó giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ tổng hợp, Cảng Quy Nhơn
Từ 15/06/2010 đến	05/05/2011	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp, phụ trách Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ tổng hợp chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn
Từ 06/05/2011 đến	03/2014	:	Phó Trung tâm Điều độ khai thác trực thuộc Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn
Từ 04/2014 đến	06/07/2016	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp chi nhánh Công ty CP Cảng Quy Nhơn.
Từ 07/07/2016 đến	12/2017	:	Phó Trưởng Trung tâm Điều độ khai thác, công ty CP Cảng Quy Nhơn.
Từ 01/2018 đến	04/09/2018	:	Quyền trưởng Trung tâm Điều độ khai thác, Công ty CP Cảng Quy Nhơn.
Từ 9/2018 đến	11/2022	:	Trưởng Trung tâm Điều hành sản xuất, Công ty CP Cảng Quy

			Nhơn (nay là Giám đốc Trung tâm Điều hành sản xuất)
Từ 11/2022	Nay	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết		:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	**3.500 cổ phiếu** chiếm 0,008%VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **3.500 cổ phiếu**, chiếm 0,008% VĐL - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	Không

Ông **Hồ Liên Nam - Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính		:	Nam
Ngày tháng năm sinh		:	04/03/1976
Nơi sinh		:	TP. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định
Số CMND		:	052076003602 cấp ngày 21/9/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch		:	Việt Nam
Dân tộc		:	Kinh
Quê quán		:	Xã Mỹ Cát - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú		:	213 Tăng Bạt Hổ - Quy Nhơn - Bình Định
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
Quá trình công tác		:	
03/2001	11/2001	:	Nhân viên Điều độ đi ca thuộc Trung tâm Điều độ xếp dỡ - Cảng Quy Nhơn
12/2001	12/2010	:	Nhân viên Thương vụ thuộc phòng Thương vụ Hàng hóa – Cảng Quy Nhơn
01/2011	02/2012	:	Phó Trưởng phòng phòng Thương vụ Hàng hóa – Cảng Quy Nhơn.
03/2012	09/2012	:	Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Thương vụ Hàng

			hóa – Cảng Quy Nhơn.
10/2012	05/2013	:	Quyền trưởng phòng phòng Thương vụ Hàng hóa – Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
06/2013	10/2015	:	Trưởng phòng phòng Thương vụ Hàng hóa, sau đổi tên thành Phòng Kinh doanh – Công ty CP Cảng Quy Nhơn
11/2015	08/2019	:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại
09/2019	12/2019	:	Phó Giám đốc phụ trách Xí nghiệp Xếp dỡ - Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
01/2020	03/2020	:	Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Kinh doanh – Công ty CP Cảng Quy Nhơn
04/2020	11/2022	:	Trưởng Phòng Kinh doanh – Công ty CP Cảng Quy Nhơn
11/2022	nay	:	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết		:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	**3.200 cổ phiếu** chiếm 0,007%VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **3.200 cổ phiếu** - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	Không

Ông **Đặng Văn Hòa - Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	30/9/1973
Nơi sinh	:	Lào Cai
Số CCCD	:	010073001389 cấp ngày 08/3/2023 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Mỹ Lộc - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú	:	69/80 Ngô Mây, Khu vực 8, Phường Nguyễn Văn Cừ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí
Quá trình công tác	:	
02/2001 - 02/2002	:	Cán bộ kỹ thuật, Phụ trách xưởng Cơ khí Nhà máy Tôn-Nhựa COSEVCO, Công ty Xây dựng 75 Bình Định.
3/2002 - 02/2003	:	Nhân viên phòng Nhân sự, phụ trách công tác An toàn lao động tại Công ty Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải Bình Định.
3/2003 - 02/2019	:	Lần lượt là Giáo viên, Phó trưởng khoa Cơ khí, Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng phòng Kiểm định Chất lượng dạy nghề và Quan hệ quốc tế, Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và Ứng dụng Khoa học Công nghệ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.
3/2019 - 3/2020	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
4/2020 - 01/2021	:	Quyền Giám đốc Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
02/2021 - 11/2023	:	Giám đốc Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
11/2023 - Nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cảng Quy Nhơn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ	:	**0 cổ phiếu** chiếm 0%VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **0 cổ phiếu** - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP	:	Không

Ông **Nguyễn Kim Toàn – Kế toán trưởng**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	12/03/1975

Nơi sinh		:	Xã Mỹ Trinh, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
Số CMND		:	052075007529 cấp ngày 05/12/2021 tại CA Bình Định
Quốc tịch		:	Việt Nam
Dân tộc		:	Kinh
Quê quán		:	Xã Mỹ Trinh, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú		:	Số 20 đường Ngô Tất Tố, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
Quá trình công tác		:	
03/1999	02/2009	:	Chuyên viên kế toán tổng hợp tại CN Công ty CP Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng
03/2009	02/2010	:	Kế toán trưởng tại CN Công ty CP Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng
3/2010	8/2012	:	Kế toán trưởng FPT TELECOM Bình Định
09/2012	03/2013	:	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn
04/2013	11/2013	:	Phó phòng kế toán phụ trách kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn
11/2013	11/2015	:	Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
11/2015	Nay	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết		:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
1. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
Số cổ phiếu QNP hiện đang nắm giữ		:	**8.000 cổ phiếu** chiếm 0,02%VĐL, bao gồm**:** - Cá nhân nắm giữ: **8.000 cổ phiếu**, chiếm 0,02% VĐL - Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu**
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Theo quy định của Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty		:	Không
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu QNP		:	Không

11. Tài sản

a. Tình hình tài sản

Chi tiết Tài sản tại 30/09/2023 *Đơn vị: Đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. TSCĐ hữu hình	**1.498.982.037.387**	**955.288.916.144**	**543.693.121.243**
Nhà xưởng, vật kiến trúc	**954.549.070.629**	**543.178.990.543**	**411.370.080.086**
• Cầu tàu 5.000 tấn	61.999.541.649	61.999.541.649	
• Cầu tàu 10.000 tấn	211.674.118.735	211.674.118.735	
• Cầu tàu 30.000 tấn	147.253.836.743	147.253.836.743	
• Tạm tăng Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn	363.031.001.365	873.963.522	362.157.037.843
• Nhà cửa vật kiến trúc khác	170.590.572.137	121.377.529.894	49.213.042.243
Máy móc thiết bị	**189.476.750.666**	**95.332.319.290**	**94.144.431.376**
• Bộ cẩu QC IC-487	55.410.783.018	25.011.811.760	30.398.971.258
• Bộ cẩu QC IC-525	55.410.783.019	25.011.811.760	30.398.971.259
• Bộ cẩu TCM RTGs IC-516	8.449.322.020	3.813.930.055	4.635.391.965
• Bộ cẩu TCM RTGs IC-517	8.449.322.020	3.813.930.055	4.635.391.965
• Bộ cẩu TCM RTGs IC-519	8.449.322.020	3.813.930.055	4.635.391.965
• Trạm biến áp	3.980.220.909	1.942.206.586	2.038.014.323
• Hệ thống điện hạ áp 2000KVA	11.050.674.018	11.050.674.018	0
• Hệ thống ray cần trục A100	4.038.217.640	1.821.807.061	2.216.410.579
• Các máy móc thiết bị khác	34.238.106.002	19.052.217.940	15.185.888.062
Phương tiện vận tải	**344.127.357.488**	**310.437.768.866**	**33.689.588.622**
• Xe cẩu bánh xích KOBELCO CKS800 (XC26)	16.950.000.000	14.091.485.806	2.858.514.194
• Cần cẩu bánh xích Kobelco (XC28)	9.895.562.953	4.204.529.423	5.691.033.530
• Xe cẩu bánh xích Kobelco (XC24)	13.802.598.864	13.553.699.520	248.899.344
• Xe cẩu bánh xích Kobelco (XC25)	13.802.598.864	13.553.699.520	248.899.344
• Xe cẩu Gottwald 63T (G2)	59.732.891.334	59.732.891.334	0
• Xe nâng Komatsu (XN22)	6.500.000.000	3.970.179.093	2.529.820.907
• Hệ thống băng tải dăm gỗ công suất 400 tấn/h	10.718.727.273	9.141.779.278	1.576.947.995
• Cần cẩu bánh xích HITACHI KH500-3	10.138.500.000	10.138.500.000	0
• Các hệ thống máy móc thiết bị khác	202.586.478.200	182.051.004.892	20.535.473.308
Thiết bị dụng cụ quản lý	**10.828.858.604**	**6.339.837.445**	**4.489.021.159**

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
II. TSCĐ vô hình	**8.986.577.711**	**7.400.688.119**	**1.585.889.592**
Phần mềm vi tính	8.986.577.711	7.400.688.119	1.585.889.592
TỔNG CỘNG	**1.507.968.615.098**	**962.689.604.263**	**545.279.010.835**

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của QNP

b. Bất động sản

Danh mục đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hình thức	Mục đích sử dụng
I	***Văn phòng Công ty***				
1	Văn phòng Công ty	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	208.888,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng làm việc và các dịch vụ Cảng
II	***Cảng Quy Nhơn***				
1	Thửa số 01 tờ bản đồ số 13, Thử đất số 01 tờ bản đồ số 14	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	35.975,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng
2	Thửa đất 42 tờ bản đồ số 05	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	3.923,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng
3	Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 06	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	38.824,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất sản xuất kinh doanh (xây dựng mở rộng Cảng Quy Nhơn)
4	Thửa đất số 03 tờ bản đồ số 12	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	813,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất thủy lợi (làm trạm cấp nước tàu biển)
5	Thửa đất số 02 tờ bản đồ số 8	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	16.800 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất sản xuất kinh doanh (xây dựng mở rộng Cảng Quy Nhơn)
6	Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 13	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình	38.277,3 m2	Thuê đất trả tiền hàng	Đất sản xuất kinh doanh (xây dựng

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hình thức	Mục đích sử dụng
		Định		năm	mở rộng Cảng Quy Nhơn)

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Tình hình thực hiện và Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021 – 2024 của QNP

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023			Năm 2024	
	Thực hiện	% tăng (giảm)/ TH 2020	Thực hiện	% tăng (giảm)/TH 2021	KH Thực hiện	Thực hiện 09 tháng	% tăng (giảm)/ KH 2022	Kế hoạch 2024	% tăng (giảm)/ KH 2023
Tổng Doanh thu (Triệu đồng)	1.311.214	57,11%	1.000.000	-23,73%	1.090.000	696.924	9,00%	1.122.700	3%
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	1.310.799	57,81%	1.000.000	-23,71%	1.090.000	695.482	9,00%	1.122.700	3%
Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	488.748	140,52%	250.676	-48,71%	270.000	153.326	7,71%	280.000	4%
LNTT (Triệu đồng)	413.450	167,33%	190.000	-54,05%	210.000	111.470	10,53%	220.000	5%
LNST (Triệu đồng)	330.872	164,48%	152.008	-54,06%	168.000	89.162	10,52%	176.000	5%
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	404.100	0,00%	404.100	0,00%	404.100	404.100	0,00%	404.100	0%
Vốn chủ sở hữu (Triệu đồng)	843.241	35,72%	850.000	0,80%	880.000	852.449	3,53%	906.400	3%
Tỷ lệ LNST/DTT	23,65%	67,63%	15,20%	-35,73%	15,41%	12,82%	1,38%	15,68%	2%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	36,96%	94,96%	17,89%	-51,60%	19,09%	10,46%	6,71%	19,42%	2%
Cổ tức	20%	15%	12%	-40,00%	12%	-	-	17%	0%

Nguồn: QNP

Kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được xây dựng căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm 2021 – 2023 của Công ty và kế hoạch dự kiến năm 2024. Số liệu doanh thu và lợi nhuận trên đây được xác lập trên cơ sở thận trọng. Các số liệu kế hoạch trên có tính đến rủi ro có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

12.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Cảng Quy Nhơn trong các năm sắp tới được lập dựa trên những dự báo về tiềm năng của ngành cảng biển, kỹ thuật và năng lực của Cảng Quy Nhơn cùng với các định hướng đổi mới và phát triển kinh doanh trong dài hạn. Trong đó, Công ty dự kiến sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

- **Giải pháp về thị trường và khách hàng**

Đối với mặt hàng container

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Khách hàng, Mặt hàng, Hãng tàu, Tuyến dịch vụ khai thác tại Cảng và các Cảng khác trong khu vực;
- Chủ động trao đổi thông tin về sự tăng trưởng nguồn hàng xuất/nhập thông qua Cảng, đề nghị các Hãng tàu đang khai thác tại Cảng xem xét phương án điều chỉnh quy mô phần tải trọng tàu dành cho Quy Nhơn. Khuyến khích, chào dịch vụ cho các Hãng tàu chưa có tàu khai thác tại Cảng xem xét phương án mở tuyến dịch vụ tàu container tại Cảng Quy Nhơn, nhằm đáp ứng nhu cầu về xuất nhập khẩu hàng hóa theo đơn hàng của các doanh nghiệp;
- Đẩy mạnh công tác trao đổi thông tin với đại diện Hãng tàu/Đại lý, Khách hàng để kịp thời nắm bắt các yêu cầu, vướng mắc trong quá trình sử dụng dịch vụ tại Cảng, phối hợp với các bộ phận liên quan để nhanh chóng xử lý hoặc đề xuất phương án xử lý nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu và giải quyết các vướng mắc phát sinh. Đặc biệt, chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ và kịp thời hỗ trợ để Khách hàng xuất nhập container theo đúng kế hoạch đề ra, giảm thiểu tối đa tình trạng container rớt tàu, rớt booking;
- Phối hợp với các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, cùng với sự hỗ trợ của Ban Thị trường Kế hoạch triển khai thực hiện công tác tìm hiểu và phát triển thị trường tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên, khu vực biên giới Lào, Campuchia, nguồn hàng xuất khẩu thông qua cửa khẩu Lệ Thanh, Bờ Y. Trên cơ sở đó, tiếp cận chào giá dịch vụ và xây dựng chính sách phù hợp để thu hút các nguồn hàng tại đây.

Đối với mặt hàng ngoài container

- Xây dựng chính sách phân khu cầu bến cho các loại hàng phù hợp. Chú trọng khai tác tàu có năng suất giải phóng tàu cao. Thực hiện ưu tiên cầu bến cho tàu, hàng thuộc

nhóm hàng có phương thức xếp dỡ đơn giản, ít tốn nhân lực, phù hợp thời tiết, giải phóng tàu nhanh như hàng dăm gỗ, viên nén, thức ăn gia súc, hàng đá kiện...

- Tận dụng tối đa thời gian xếp dỡ hàng hóa, hạn chế thấp nhất tình trạng không thể tiếp nhận tàu dẫn đến tàu phải chuyển cảng, đặc biệt những dòng tàu từ 20.000 DWT trở xuống, tàu nội địa;
- Tập trung thu hút hàng thức ăn gia súc, đá granite kiện, tinh bột bao đang sử dụng dịch vụ tại Cảng Thị Nại, hàng tôn cuộn đang sử dụng dịch vụ tại Tân Cảng Miền Trung;
- Áp dụng chính sách chiết khấu, giảm giá nếu khách hàng thực hiện vượt định mức xếp dỡ cam kết hoặc vượt mức sản lượng năm như đã cam kết. Ngược lại, tăng giá dịch vụ nếu khách hàng không đạt định mức giải phóng tàu hoặc khách hàng phải bù doanh thu cho cảng nếu không đạt sản lượng đã cam kết với Cảng. Sử dụng chính sách giá linh hoạt cho từng mặt hàng theo từng thời điểm, xây dựng quy chế giá dịch vụ theo năng suất xếp dỡ nhằm mục đích khuyến khích khách hàng phối hợp Cảng giải phóng tàu nhanh, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Tận dụng, khai thác tối đa hạ tầng khi bãi hiện hữu, đôn đốc khách hàng thuê kho liên tục luân chuyển hàng hóa. Đối với các khách hàng, sử dụng kho Cảng để lưu chứa hàng, không luân chuyển hàng hóa thì Cảng khuyến khích khách hàng thuê kho ngoài cảng lưu chứa hoặc áp dụng giá lũy tiến để bù đắp doanh thu, lợi nhuận cho Cảng;
- Triển khai dịch vụ logistics, forwarder, bước đầu phục vụ hỗ trợ khách hàng, nguồn hàng thông qua Cảng Quy Nhơn; khi các dịch vụ đã hoạt động ổn định sẽ mở rộng dịch vụ cho các khách hàng trong nước và quốc tế.

Đối với thị trường xuất nhập trên tuyến Châu Mỹ/ Châu Âu

Đảm bảo sự tăng trưởng của các Doanh nghiệp/Mặt hàng xuất nhập khẩu trên tuyến Châu Mỹ/Châu Âu bằng những biện pháp nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt container rỗng, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng và năng suất dịch vụ MnR của Cảng, nhằm đảm bảo việc luân chuyển container rỗng tồn tại bãi nhanh chóng, đáp ứng được yêu cầu của Hãng tàu và Doanh nghiệp;
- Triển khai linh hoạt các chính sách hỗ trợ về chi phí lưu bãi container rỗng, khuyến khích Hãng tàu tăng cường việc luân chuyển rỗng về Cảng, đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm;
- Tăng cường sự phối hợp với Hãng tàu, hướng đến triển khai phương án sử dụng container Free-use để phục vụ các nguồn hàng nhập xuất nội địa, nhằm tiết giảm chi phí luân chuyển rỗng cho Hãng tàu, kích thích Hãng tàu luân chuyên rỗng về Cảng;
- Xây dựng phương án phối hợp các Hãng tàu trong hệ thống Tổng Công ty để đảm nhận dịch vụ chuyển rỗng cho các Mainline;

- Triển khai các gói hỗ trợ để khuyến khích hơn nữa nguồn hàng nhập khẩu bằng container, giảm thiểu sự mất cân bằng giữa hàng nhập và hàng xuất. Trong đó, tập trung vào nguồn hàng gỗ nguyên liệu, thức ăn gia súc, hạt điều, phân bón, thiết bị.

Đối với thị trường xuất nhập trên tuyến Đông Bắc Á

- Phát triển thêm tối thiểu 1 tuyến dịch vụ mới kết nối trực tiếp giữa Cảng Quy Nhơn đến các Cảng khu vực Đông Bắc Á (Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản)
- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu tổng thể các Doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại các Tỉnh Gia Lai, Daklak, Kontum, Phú Yên, khu vực cửa khẩu Bờ Y, cửa khẩu Lệ Thanh; Trên cơ sở đó, phối hợp với Hãng tàu triển khai các chương trình hành động nhằm xây dựng phương án xuất nhập khẩu trọn gói (đóng/rút hàng hóa, vận tải bộ, vận tải biển, thủ tục hải quan) với tổng chi phí cạnh tranh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Doanh nghiệp, để thu hút Doanh nghiệp thực hiện xuất nhập hàng hóa bằng container thông qua Cảng.

Điều hành sản xuất

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, từ đó đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Tăng cường điều phối hoạt động sản xuất, tận dụng từng giờ tàu cập cầu nhằm nâng cao hệ số sử dụng. Phối hợp cùng với Cảng vụ hàng hải, hoa tiêu, đơn vị cung cấp tàu lai để khai thác hiệu quả, đảm bảo an toàn hàng hải khi đưa tàu ra vào cảng;
- Sử dụng linh hoạt các thiết bị xếp dỡ hiện có phù hợp để nâng cao năng suất xếp dỡ, giảm thời gian tàu nằm bến, đặc biệt là cho nhóm hàng gỗ dăm, viên gỗ nén, phân bón, sắn lát...
- Tiến hành họp giao ban hàng tuần để tổng hợp báo cáo từ các đơn vị nhằm có biện pháp kịp thời hỗ trợ khách hàng giải phóng tàu hàng, tránh thiệt hại do chờ tàu kéo dài;
- Tăng cường công nhân kỹ thuật, cán bộ điều hành trực sản xuất để kịp thời khắc phục xử lý các sự cố trong ca sản xuất. Kiểm tra dự báo và dự trữ vật tư phụ tùng hợp lý, nâng cao độ tin cậy, giảm tối đa thời gian dừng của phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất.

Đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin

Triển khai các giải pháp thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả khai thác cơ sở hạ tầng, giảm chi phí vận hành, cụ thể như sau:

- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý điều hành khai thác cảng (TOS) nhằm thay thế các phần mềm cũ (hàng tổng hợp, hàng container, cân ô tô) không còn phù hợp. Bắt đầu vận hành từ tháng 06 năm 2022.

- Đã triển khai các phân hệ ERP tích hợp với TOS: hệ thống phần mềm FAST để đồng bộ với hệ thống FAST của Tổng Công ty, hệ thống quản lý tình trạng kỹ thuật của phương tiện,...
- Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh toàn cảng và hệ thống kiểm soát thu cước tự động, quản lý vận hành, và các tiện ích kết nối phục vụ khách hàng;
- Đã hoàn thành xây dựng cổng thông tin eport cho hàng rời và hàng container, tiếp tục bổ sung chức năng thanh toán online (dự kiến hoàn thành quý 1/2024), chức năng autogate kiểm soát cổng cảng (dự kiến hoàn thành quý 1/2024); kiểm soát chuỗi mua sắm và chi phí, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến e –learning,...

Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với các chức danh nhân viên khối văn phòng, bổ sung đào tạo các kiến thức quản lý, kỹ năng mềm đối với lực lượng quản lý từ cấp trung trở lên;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ trực tiếp chỉ đạo hiện trường: lực lượng điều độ, trực ban đi ca, lực lượng giao nhận, công nhân lái cẩu và cán bộ kỹ thuật;
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

Nâng cao công tác quản trị

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chú trọng xem xét giá giá thành các dịch vụ nhằm xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.
- Áp dụng đồng loạt các biện pháp quản trị, sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý các đơn vị trực thuộc, tổ chức khai thác điều hành sản xuất hợp lý góp phần tăng năng suất loa động, thực hành tiết kiệm và sử dụng tối ưu các nguồn lực hiện có để tăng lợi nhuận cho Công ty.

Công tác tài chính và kiểm soát nội bộ

- Kiểm soát công nợ, có chính sách thu nợ linh hoạt và kiểm soát chi phí;
- Đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Giải pháp đầu tư

- Xem xét đánh giá kỹ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng vốn. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác mới thầu, đấu thầu, chấm thầu đúng quy định của Nhà nước; quản lý chặt chẽ quá trình triển khai thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đưa công trình vào sử dụng đúng mục đích được phê duyệt;
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển Cảng Quy Nhơn đúng quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám sát việc thực hiện tiến độ đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Công ty, kịp thời đáp ứng như cầu sản xuất kinh doanh.

Các hợp đồng lớn đã ký kết làm cơ sở cho kế hoạch doanh thu – lợi nhuận của Công ty như sau:

STT	Tên khách hàng	Dịch vụ/sản phẩm (*)	Tổng DT 2022 (VNĐ)	Tổng DT Dự kiến 2023 (VNĐ)
1	Công Ty TNHH Hào Hưng	Dăm gỗ	50.663.564.396	31.943.140.772
2	Maersk A/S	Hãng tàu container	35.990.583.970	30.413.081.785
3	Công Ty CP Nguyệt Anh	Dăm gỗ + Viên nén	31.362.026.787	24.994.546.895
4	MSC MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A	Hãng tàu container	17.875.741.467	24.751.477.244
5	Công Ty CP Năng Lượng Sinh Học Phú Tài	Viên nén	13.400.990.255	21.586.387.320
6	CÔNG TY LIÊN DOANH PIL VIỆT NAM	Hãng tàu container	17.939.377.398	16.631.324.512
7	CMA-CGM SA C/O CMA-CGM VIET NAM JSC	Hãng tàu container	11.793.878.721	16.575.437.063
8	Công Ty TNHH Đức Hải	Dăm gỗ	17.990.464.657	16.139.116.383
9	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN COSCO SHIPPING LINES (VIỆT NAM)	Hãng tàu container	8.396.884.478	14.546.264.461
10	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	Dăm gỗ	13.363.532.363	13.309.892.814

	VÀ XUẤT NHẬP KHẨU DHT			
11	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LOGISTICS CẢNG QUY NHƠN	Logistics	8.453.897.692	12.152.664.818
12	Công Ty Cổ Phần Thành Ngân	Dăm gỗ + Viên nén	6.335.982.948	11.744.687.995
13	Công Ty TNHH Nguyên Liệu Giấy Hồng Hải	Dăm gỗ	9.826.893.710	11.554.259.440
14	CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIMC - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP	Hãng tàu container	8.823.134.401	11.359.467.597
15	CÔNG TY TNHH HEADWAY QUY NHƠN	Logistics	1.922.844.437	11.226.324.040
16	Công Ty TNHH Sản Xuất Dăm Gỗ Bình Định	Dăm gỗ	8.676.331.606	11.039.770.640
17	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN MINH TÂN	Phân bón	3.035.490.296	7.690.443.209
18	OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	Hãng tàu container	7.536.118.566	7.283.651.003
19	SAMUDERA SHIPPING LINE.,LTD	Hãng tàu container	4.456.667.369	5.572.084.675
20	CÔNG TY TNHH NGUYÊN LIỆU GIẤY QUI NHƠN	Dăm gỗ	4.169.076.376	5.357.863.993
21	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLS	Hãng tàu container	2.947.676.990	5.070.685.470
22	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠM TRUNG CHUYỂN XI MĂNG BÌNH ĐỊNH	Xi măng	4.911.207.370	4.749.755.379
23	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG SINH	Viên nén	2.677.503.901	4.683.670.308

	HỌC TÍN NHÂN			
24	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG ACE QUI NHƠN	Viên nén	5.361.031.785	4.176.143.700
25	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG TRẠI XANH	Viên nén	2.420.297.408	3.128.652.790
26	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thành Thành Công	Mật rỉ	2.245.965.656	3.055.667.641
27	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	Dăm gỗ	8.375.191.444	2.626.829.777
28	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Sản (APROMACO)	Phân bón	4.198.247.314	2.395.588.408
29	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THIỆN HOÀNG	Viên nén	2.730.353.479	2.296.568.197
30	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÂN CANH	Viên nén	2.424.505.141	1.597.228.260
31	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP	Phân bón	2.551.458.881	1.407.364.263
32	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VẬN TẢI NGỌC PHƯỚC	Tôn thép	3.696.335.051	1.105.721.700
33	Công Ty TNHH Vạn Đại	Titan	2.963.840.633	997.202.950
34	Công ty TNHH Logistics Long Bình	Phân bón	2.062.186.000	510.223.350
35	Công Ty TNHH Hoàng Ngân	Phân bón	2.626.382.600	284.250.000
36	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TÂM PHÚC GIA LAI	Viên nén	2.383.411.701	165.440.340

37	CN Xăng dầu Quân đội KV Tây Nguyên – Cty TNHH MTV TCT Xăng dầu Quân đội	Đại lý bao tiêu xăng dầu	304.274.991.770	231.840.000.000
38	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Cung cấp dịch vụ logistics hàng phân bón	12.524.107.679	14.869.478.696
	Tổng cộng		**653.388.176.696**	**590.832.357.888**

Nguồn: QNP

(*) Cảng Quy Nhơn chỉ cung cấp các dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, kho bãi, v.v cho các loại mặt hàng nêu trên ...

- ***Tính khả thi* của *kế hoạch giai đoạn 2023 - 2024***

Trên cơ sở các dòng sản phẩm đang hiện có và đánh giá những tiềm năng của thị trường hiện nay với dự báo tăng trưởng ổn định của ngành Cảng biển, mục tiêu tăng trưởng dự kiến trong năm 2023 và năm 2024 được HĐQT đánh giá là hoàn toàn khả thi.

12.2. Kế hoạch đầu tư dự án đang trình HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Kế hoạch đầu tư năm 2023 đã được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 13/5/2022 với tổng giá trị đầu tư là 400,761 tỷ đồng. Giá trị thực hiện đầu tư ước tính khoảng 334,993 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	TMĐT	Kế Hoạch 2023	Ước Thực Hiện đến 26/12/2023
	Tổng cộng		**400.761**	**334.993**
	Đầu tư cơ sở hạ tầng		**336.920**	**321.929**
	Dự án công nghệ thông tin		**11.680**	**1.300**
	Đầu tư phương tiện thiết bị		**37.855**	**11.764**
	Duy tu. sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật		**14.306**	-
A	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP 2022**	**951.589**	**359.985**	**326.278**
I	**Đầu tư cơ sở hạ tầng**	**651.525**	**312.644**	**314.964**
1	ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn	546.000	270.710	299.290

STT	Danh mục	TMĐT	Kế Hoạch 2023	Ước Thực Hiện đến 26/12/2023
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện Cảng Quy Nhơn (GĐ 1)	8.000	8.000	
3	Cải tạo hệ thống RTG chạy điện	14.981	13.934	
4	Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha)	82.544	20.000	15.674
II	***Dự án công nghệ thông tin***	**6.000**	**4.680**	**550**
1	Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống	3.000	1.680	550
2	Đầu tư Hệ thống kho dữ liệu, BI tích hợp dữ liệu TOS, TCKT, NSTL	3.000	3.000	
III	**Đầu tư phương tiện thiết bị**	**278.464**	**28.355**	**10.764**
1	Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T)	250.000	500	500
2	Xe ủi D39/D40 (2 xe)	10.464	10.464	4.873
3	Xe nâng container có hàng	12.000	12.000	
4	Khung chụp spreader cẩu QC	6.000	5.391	5.391
IV	***Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật***	**15.600**	**14.306**	**-**
1	Nạo vét khu nước trước bến (năm 2021)	15.600	14.306	
B	**Dự án triển khai năm 2023**	**556.876**	**40.776**	**8.715**
I	**Đầu tư cơ sở hạ tầng**	**540.376**	**24.276**	**6.965**
1	Khu cảng nội địa ICD Tuy Phước (giai đoạn 1)	395.000	1.000	
2	Mở rộng bãi container số 2 (3.000m2)	15.000	1.000	
3	Giải phóng mặt bằng khu tập thể 5 gian (72 hộ dân)	57.600	1.000	
4	Kho hàng chuyên dụng 10.000m2	50.000	1.000	
5	Sửa chữa mặt cầu và đường dẫn cầu số 4 (15.000 m2)	6.000	6.000	

STT	Danh mục	TMĐT	Kế Hoạch 2023	Ước Thực Hiện đến 26/12/2023
6	Sửa chữa, cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy kho hàng số 2A và số 7	7.400	7.400	589
7	Hệ thống xử lý nước thải khu đất 3,8 ha	3.000	500	-
8	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng và di dời nguồn cấp điện hạ áp bến số 1 mở rộng cảng Quy Nhơn	6.376	6.376	6.376
II	**Dự án công nghệ thông tin**	**7.000**	**7.000**	**750**
1	Đầu tư server (giai đoạn 1)	3.000	3.000	
2	Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (giai đoạn 2), bao gồm các dự án (nội dung 2.1, 2.2, 2.3):	-	-	-
2.1	Nâng cấp hệ thống mạng khu văn phòng	1.500	1.500	450
2.2	Nâng cấp hệ thống mạng khu sản xuất	1.000	1.000	300
2.3	Hạ ngầm cáp quang tuyến chính	1.500	1.500	
III	**Đầu tư phương tiện thiết bị**	**9.500**	**9.500**	**1.000**
1	Máy phát điện 1.600 kVA	7.500	7.500	
2	Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ	1.000	1.000	1.000
3	Băng tải nạp hàng rời vào container	**1.000**	**1.000**	
	Tổng cộng	**1.508.465**	**400.761**	**334.993**

Nguồn: QNP

12.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Không có.

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của QNP.

Với đà phát triển liên tục và ổn định, chiến lược hoạt động kinh doanh linh hoạt và năng động của QNP, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành cảng biển trong nước còn rất lớn, BSC cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. BSC cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch Công ty đưa ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

BSC xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 12/04/2019 về tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long và Công ty. Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã đưa ra phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, buộc Công ty phải có nghĩa vụ trả số tiền là 3.986.299.000 VND (gồm: số tiền 1.133.250.000 VND Công ty đang giữ và phí lai dắt tàu nội, ngoại số tiền 2.853.049.000 VND), ngoài ra Công ty còn phải chịu tiền án phí 196.025.000 VND; đồng thời bác bỏ yêu cầu của Công ty về việc không chấp nhận trả số tiền 3.986.299.000 VND và yêu cầu phản tố của Công ty yêu cầu Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.453.653.625 VND.

Ngày 23/10/2019, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để đề nghị tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định do Công ty nhận thấy phán quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là không phản ánh đúng bản chất khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Sau hai lần vào các ngày 23/12/2019 và 05/02/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm tại Quyết định số 128/2019/QĐ-PT và Quyết định 163/2020/QĐ-PT nhưng do sự vắng mặt của bên nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long nên chưa thể tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Đến ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết tại Bản án phúc thẩm số 03/2020/KDTM-PT ngày 17/11/2020

trong đó quyết định: hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Đồng thời, hoàn trả Công ty số tiền 2.000.000 VND tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Đến ngày 11/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án để tiếp tục giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 27/12/2021, Toà án nhân dân tỉnh Bình Định đã tổ chức buổi hòa giải theo thủ tục, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long đều không thể tham gia.

Ngày 10/3/2022 TAND tỉnh Bình Định triệu tập lần 3 họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Ngày 02/3/2022 TAND tỉnh Bình Định có quyết định 2034/2022/QĐ-CCTLCC yêu cầu Cảng Quy Nhơn cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà.

Ngày 06/4/2022 Người đại diện theo ủy quyền của Cảng Quy Nhơn có văn bản thông báo không cung cấp được hồ sơ.

Ngày 06/4/2022 Người đại diện theo ủy quyền của Cảng Quy Nhơn có văn bản đề nghị Tòa thu thập hồ sơ, tài liệu.

Ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là "TAND") tỉnh Bình Định đã ban hành bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST về tranh chấp hợp đồng cung ứng giữa Cảng Quy Nhơn và Công ty Cửu Long.

Ngày 27/7/2022, Cảng Quy Nhơn đã làm đơn kháng cáo gửi TAND tỉnh Bình Định và TAND cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên của TAND tỉnh Bình Định ngày 15/7/2022 do Cảng Quy Nhơn nhận thấy phán quyết của TAND tỉnh Bình Định là không phản ánh đúng bản chất khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Cảng Quy Nhơn.

Ngày 18/8/2022 TAND tỉnh Bình Định đã có thông báo về việc kháng cáo đến các đương sự, trong đó Công ty Cửu Long cũng kháng cáo một phần bản án như sau: "Nguyên đơn Công ty TNHH vận tải biển Cửu Long kháng cáo một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của TAND tỉnh Bình Định, yêu cầu phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận phần lợi tức của hai năm 2019 và 2020 với số tiền 14 tỷ đồng; Yêu cầu Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn bồi thường đủ 100% chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội với số tiền đã yêu cầu là 5.121.137.804 đồng; xem xét giải quyết khoản lãi phát sinh phía Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn phải thanh toán cho khoản tiền chậm trả từ ngày 15/7/2022 đến khi Bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm có hiệu lực."

Ngày 01/10/2022 TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã có Thông báo số 14/TBTL-KDTM về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm. Ngày 16/12/2022 TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã đưa vụ án ra xét xử, ban hành bản án số 31/2022/KDTM-PT.

Tại Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 (bản án phúc thẩm lần 2), TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng

Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17/5/2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Công ty Cửu Long tổng số tiền là 53,48 tỷ đồng (trong đó, phí dịch vụ lai dắt 24,44 tỷ đồng, bồi thường thiệt hại năm 2019 và 2020 là 24,65 tỷ đồng, trả lãi chậm thanh toán 4,39 tỷ đồng); buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 190,76 triệu đồng. Cảng Quy Nhơn đã thực hiện trích lập dự phòng phải trả cho khoản nợ trong năm 2022 sau khi nhận được bản án.

Vào ngày 30/12/2022, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 105/QĐ-CTHADS. Tuy nhiên, Cảng Quy Nhơn đã có Đơn đề nghị gửi Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 09/01/2023, Viện kiểm soát nhân dân tối cao ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành bản án phúc thẩm của TAND cấp cao tại Đà Nẵng trong thời hạn 3 tháng (kể từ ngày 09/01/2023) để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đến ngày 10/01/2023, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình định ra quyết định số 10/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án trong thời hạn 3 tháng.

Ngày 10/4/2023, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 14/QĐ-CTHADS về việc tiếp tục thi hành án.

Ngày 21/4/2023, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 08/QĐ-CTHADS về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án. Ngày 24/4/2023, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 10/QĐ-CTHADS về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án.

Từ ngày 21/04/2023 đến ngày 24/04/2023, Cục thi hành án dân sự Tỉnh Bình Định đã cưỡng chế khấu trừ trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn số tiền 53.480.418.064 đồng để thi hành án theo quyết định 105/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022. Ngày 29/05/2023, Cảng Quy Nhơn đã nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo QĐ số 201/QĐ-CTHADS ngày 17/4/2023 số tiền 190.763.470 đồng.

Ngày 14/06/2023, Viện kiểm sát Nhân Dân tối cao đã ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM: Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của TAND cấp cao tại Đà nẵng; Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của TAND Tỉnh Bình Định; giao hồ sơ về TAND tỉnh Bình Định giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

* Thông tin về khoản tạm thu của bà Phạm Thị Thúy Linh với số tiền 1.133.250.000 đồng, số tiền này có liên quan đến việc tranh chấp với Công ty TNHH vận tải biển Cửu Long ("Công ty Cửu Long") khởi kiện Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn"):

Ngày 02/4/2019, Công ty Cửu Long đã khởi kiện Cảng Quy Nhơn tại TAND tỉnh Bình Định. Qua quá trình giải quyết vụ án, TAND tỉnh Bình Định nhận định tại Bản án số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cửu Long, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của Cảng Quy Nhơn. Nhận thấy phán quyết của TAND tỉnh Bình Định là thiếu khách quan và không phản ánh đúng bản chất của vụ án, ngày 23/10/2019 Cảng Quy Nhơn đã có đơn kháng cáo gửi TAND cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị tiến hành xét xử phúc thẩm đối với bản án của TAND tỉnh Bình Định.

Ngày 03/12/2019, TAND cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm. Qua quá trình xem xét hồ sơ, TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 17/11/2020 quyết định hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho TAND tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 11/01/2021 TAND tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" (lần 2). Ngày 04/01/2021 Công ty Cửu Long có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 1.133.250.000 đồng. Đến ngày 27/01/2021 Công ty Cửu Long có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện số tiền đòi 1.133.250.000 đồng.

Ngày 06/02/2023 Công ty Cửu Long có đơn phản tố gửi TAND TP. Quy Nhơn yêu cầu buộc Cảng Quy Nhơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.133.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ ngày 01/02/2018.

Ngày 06/9/2023 TAND TP. Quy Nhơn đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, phán quyết của Tòa về số tiền 1.133.250.000 đồng tại bản án số 52/2023/KDTM-ST: Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cửu Long buộc Cảng Quy Nhơn có trách nhiệm trả cho Công ty Cửu Long số tiền gốc 1.133.250.000 đồng và tiền lãi 631.768.000 đồng. Tổng cộng 1.765.018.000 đồng.

Nhận thấy phán quyết của TAND TP. Quy Nhơn không phản ánh đúng bản chất khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Cảng Quy Nhơn, vì vậy Cảng Quy Nhơn đã làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Bình Định xét xử theo trình tự phúc thẩm. TAND tỉnh Bình Định đã có thông báo thụ lý vụ án số 07/2023/TB-TLVA ngày 25/10/2023.

Tại thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty tiếp tục đánh giá và tin tưởng rằng Tòa án Nhân dân các cấp sẽ đưa phán quyết đúng với bản chất khách quan của vụ án và Công ty sẽ không phải gánh chịu các khoản phải thanh toán để phục hồi lợi ích về kinh tế từ vụ án này.

16. Thông tin thực hiện kết luận của thanh tra chính phủ về cổ phần hoá Cảng Quy Nhơn

Ngày 17/09/2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTCP về cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, theo đó Thanh tra Chính phủ đã đưa ra kết luận về một số khuyết điểm và vi phạm trong việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn, đồng thời nêu rõ các yêu cầu, kiến nghị xử lý về trách nhiệm, xử lý về kinh tế và xử lý về cơ chế chính sách.

Cảng Quy Nhơn đã thực hiện đầy đủ các nội dung kết luận thanh tra số 1566/KL-TTCP về cổ phần hoá Cảng Quy Nhơn trừ nội dung niêm yết cổ phiếu Cảng Quy Nhơn trên sàn giao dịch chứng khoán theo qui định của pháp luật, chi tiết kết quả thực hiện kết luận thanh tra toàn diện việc cổ phần hoá Cảng Quy Nhơn thể hiện đầy đủ tại công văn báo cáo Thanh tra chính phủ số 99/HHVN-ĐT ngày 20/09/2019 của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP và công văn số 958/BC-QNP ngày 27/09/2019 của CTCP Cảng Quy Nhơn. Theo đó tại văn bản số 99/HHVN-ĐT ngày 20/09/2019, VIMC đã báo cáo Thanh tra chính phủ "*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Cảng Quy Nhơn đã thông qua phương án niêm yết cổ phiếu Cảng Quy Nhơn trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh trong năm 2019. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại , giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo Hợp đồng chuyển giao chưa được nhà đầu tư đề xuất, do vậy để không làm ảnh hưởng đến việc xác định giá trị nêu trên của nhà đầu tư và phê duyệt/chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, việc niêm yết cổ phiếu của Cảng Quy Nhơn sẽ được thực hiện sau khi các bên hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng chuyển giao cổ phần Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn*".

Tuy nhiên, vì nhiều lý do mà đến nay phương án về lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư chưa được Công ty Hợp Thành đề xuất. Trước đề nghị nhiều lần của các cổ đông Cảng Quy Nhơn và thời gian thực hiện Kết luận thanh tra kéo dài, VIMC đã chỉ đạo người đại diện phần vốn của VIMC tại Cảng Quy Nhơn thực hiện nộp hồ sơ niêm yết cổ phiếu trên HSX vào ngày 07/10/2020. Tại công văn số 2398/HHVN-ĐT Ngày 18/11/2021 Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam- Công ty cổ phần gửi Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cũng đã giải trình rõ "*Việc xác định lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và thực hiện các nghĩa vụ liên quan là vấn đề giữa VIMC và Công ty Hợp Thành, không thuộc nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, do đó VIMC khẳng định vấn đề tồn tại trên giữa VIMC và Công ty Hợp Thành không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn khi Niêm yết*".

Tại công văn số 2014/HHVN-ĐT Ngày 24/11/2022 Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty cổ phần gửi Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cũng đã giải trình rõ và đề nghị hỗ trợ công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được niêm yết.

Tại công văn số 1014/HHVN-ĐT Ngày 07/06/2023 Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty cổ phần gửi Thanh tra Chính phủ, Bộ giao thông vận tải báo cáo cập nhật thực hiện kết luận Thanh tra Chính phủ, theo đó cập nhật các nội dung chính sau:

"Về tiến độ thực hiện xác định giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo kết luận thanh tra

Tính đến thời điểm ngày 20/09/2022, VIMC đã có 15 văn bản gửi Công ty cổ phần Đầu tư khoán sản Hợp Thành đôn đốc đề xuất giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo hợp đồng chuyển giao số 01/2019/VNL-HT/CGCP ngày 27/05/2019.

Ngày 20/09/2022 Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành đã ban hành giấy ủy quyền số 32/GUQ-HT, theo đó Công ty cổ phần và Đầu tư Khoáng Sản Hợp Thành đã ủy quyền cho Công ty luật TNHH DQ Việt Nam được toàn quyền thay mặt Công ty cổ phần Đầu

tư Khoáng sản Hợp thành thực hiện các công việc trong quá trình giải quyết các nội dung liên quan đến việc xác định giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo hợp đồng chuyển giao.

Ngày 27/09/2022 tại trụ sở VIMC số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa Hà Nội, VIMC và Công ty Luật DQ đã họp và thống nhất một số nội dung để triển khai thực hiện việc xác định giá trị hợp pháp của nhà đầu tư theo hợp đồng chuyển giao. Theo đó hai bên thống nhất:

1-Lựa chọn xác định thời điểm 30/06/2019 áp dụng cho việc xây dựng, tính toán giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Khoáng sản Hợp Thành) trong giai đoạn tháng 09/2015 đến ngày 30/06/2019;

2-Theo qui định tại điểm 4.4 đầu 4 Hợp đồng chuyển giao cổ phần Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, Bên B có quyền đưa ra cơ sở, phương pháp xác định và giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, VIMC xem xét, chấp thuận hoặc xin ý kiến hướng dẫn làm cơ sở hai bên thỏa thuận, thống nhất thực hiện.

3-Bên A đồng ý tạo điều kiện cho bên B tiếp cận, nghiên cứu các tài liệu, báo cáo tài chính, cáo bạch ... để phục vụ quá trình xác định lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Lộ trình, tài liệu và thời điểm làm việc đề nghị bên B có văn bản chính thức gửi VIMC để các bên thảo luận và thống nhất nhằm đảm bảo hoạt động của VIMC/Cảng Quy Nhơn không bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó đến nay, phía Công ty Hợp Thành, Công ty luật DQ chưa tiến hành các công việc tiếp theo.

Đối với thanh tra chính phủ: VIMC báo cáo về việc để đảm bảo minh bạch tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp theo yêu cầu của cổ đông, ***VIMC với tư cách là cổ đông lớn sẽ tiếp tục hỗ trợ Cảng Quy Nhơn thực hiện các thủ tục Niêm yết theo hướng dẫn HSX và chịu trách nhiệm về việc thay đổi niêm yết so với nội dung đã báo cáo tại văn bản số 99/HHVN-ĐT ngày 20/09/2019.***

Đối với bộ giao thông vận tải: VIMC kính đề nghị bộ giao thông vận tải chủ trì cuộc họp/hướng dẫn VIMC, Công ty Hợp Thành xử lý dứt điểm các tồn tại nêu trên để các bên hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra chính phủ."

Ban Tổng Giám đốc CTCP Cảng Quy Nhơn đánh giá việc thực hiện các kiến nghị còn lại của Thanh tra Chính phủ sẽ không còn vấn đề nào có thể sẽ ảnh hưởng đến các thông tin đang phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty cũng như ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

17. Thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trở thành cổ đông lớn.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/06/2019, Cổ đông lớn Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT và Ban Kiểm soát để tham gia vào công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp theo qui định pháp luật và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kể từ khi tham gia điều hành Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã hỗ trợ tạo mọi điều kiện tích cực cho Cảng Quy Nhơn hoạt động và đã mang lại những kết quả khả quan thể hiện trong kết quả kinh doanh qua các năm đã báo cáo chi tiết tại bản cáo bạch này.

PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng/cổ phiếu*)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: **40.409.950 cổ phiếu** (*Bốn mươi triệu bốn trăm lẻ chín ngàn chín trăm năm mươi cổ phiếu)*
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết: **404.099.500.000 đồng** (*Bốn trăm lẻ bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*)

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết

Theo quy định tại mục đ Khoản 01 Điều 109 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ: *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;*

Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ khi niêm yết của Công ty như sau:

Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ
Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	17.174.608	**17.174.608**	42,50%

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện nắm giữ	Tổng cộng	Tỷ lệ
Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	8.086.031	**8.086.031**	20,01%
Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT	3.300	5.051.623	**5.054.923**	12,508%
Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc	3.500	-	**3.500**	0,008%
Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc	3.200	-	**3.200**	0,007%
Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	8.000	-	**8.000**	0,02%
Tổng cộng		**18.000**	**30.312.262**	**30.330.262**	**75,06%**

Nguồn: QNP

Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của các cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, KTT tính trên sổ cổ phiếu đăng ký niêm yết là **30.330.262 cổ phiếu,** chiếm **75,06%** vốn điều lệ. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu CTCP Cảng Quy Nhơn được căn cứ trên:

i) Phương pháp giá trị sổ sách (Book Value)

ii) Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phiếu) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch

iii) Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B (Price/Book Value – Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết

iv) Giá đấu thành công bình quân của đợt đấu giá bán cổ phần ngày 12/09/2013.

5.1. Giá trị sổ sách của Công ty

Giá trị sổ sách của Công ty được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (không bao gồm Lợi ích cổ đông thiểu số và Nguồn kinh phí và Quỹ khác)}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của CTCP Cảng Quy Nhơn thì số liệu để tính giá trị sổ sách như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	843.241.158.762	776.866.484.024	852.449.574.922
Lợi ích cổ đông thiểu số (đồng)	-	-	
Nguồn kinh phí và Quỹ khác (đồng)	-	-	
SLCP lưu hành cuối kỳ (cổ phiếu)	40.409.950	40.409.950	40.409.950
Giá trị sổ sách QNP (đồng/cp)	**20.867**	**19.224**	**21.095**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của CTCP Cảng Quy Nhơn tại thời điểm 30/09/2023 là 21.095 đồng/cổ phiếu.

5.2. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/E

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ vào lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của QNP (EPS) và số nhân thu nhập tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành (P/E) tại thời điểm xác định. P/E bình quân được tính dựa trên mức giá đóng cửa và lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của các công ty hoạt động trong lĩnh vực cảng biển niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM tại thời điểm xác định.

Giá trị hợp lý trên cổ phiếu theo số nhân thu nhập = EPS x P/E tham chiếu

Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 30/09/2023, lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo tài chính của công ty lũy kế 4 quý liền kề gần nhất đến thời điểm 30/09/2023.

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Thị giá tại 30/09/2023 (đồng)	Lợi nhuận mỗi cổ phiếu lũy kế 4 quý đến 30/09/2023 (đồng)	P/E
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5) = (3)/(4)**
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	CQN	30.000	1.212	24,76
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	DVP	64.600	8.193	7,88
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	DXP	12.900	1.041	11,34
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	28.700	1.011	27,89
Giá trị P/E tham chiếu				18,35
Giá cổ phiếu QNP = Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu x P/E tham chiếu = 2.795 x 18,35 = 51.300,07				

Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu trên mỗi cổ phiếu của QNP lũy kế 4 quý liền kề gần nhất đến 30/09/2023 là 2.795 đồng/cổ phiếu. Do đó, giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/E là **51.300,07** đồng/cổ phiếu, làm tròn thành **51.300** đồng/cổ phiếu.

5.3. Phương pháp so sánh theo chỉ số P/B

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của QNP tại thời điểm gần nhất (BVPS) và số nhân sổ sách tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành (P/B). P/B bình quân được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của các công ty hoạt động trong lĩnh vực cảng biển niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM tại thời điểm xác định.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu theo số nhân sổ sách = BVPS x P/B tham chiếu

Chỉ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 30/09/2023, giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo tài chính của công ty tương ứng tại thời điểm 30/09/2023.

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại 30/09/2023	Giá trị tại 30/09/2023 (triệu đồng)			Thị giá tại 30/09/2023 (đồng)	BVPS tại 30/09/2023 (đồng)	P/B
			Vốn CSH	Lợi ích cổ đông thiểu số	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8) = [(4) – (5) – (6)]/3**	**(9) = (7)/(8)**
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	CQN	75.049.936	922.061	0	0	30.000	12.286	2,44
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	DVP	40.000.000	1.419.257	0	0	64.600	35.481	1,82
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	DXP	59.910.133	814.554	0	0	12.900	13.596	0,95
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	133.395.642	3.222.731	13.945	0	28.700	24.159	1,19
Giá trị P/B tham chiếu								1,60
Giá cổ phiếu QNP = Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu x P/B tham chiếu = 21.095 x 1,60 = 33.752								

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của QNP tại 30/09/2023 là 21.095 đồng/cổ phiếu. Do đó, giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/B là **33.752 đồng/cổ phiếu**.

5.4. Giá đấu thành công bình quân của đợt đấu giá bán cổ phần ngày 12/09/2013

Theo Báo cáo kết quả đấu giá cổ phần số 433/BC-SGDHN ngày 12/09/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, kết quả đấu giá bán cổ phần ngày 12/09/2013 của QNP như sau:

Tổng số lượng cổ phần đấu giá	4.041.588 cổ phần
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	12.000 đồng/cổ phần
Giá đấu thành công cao nhất	20.000 đồng/cổ phần

Giá đấu thành công thấp nhất	12.200 đồng/cổ phần
Giá đấu thành công bình quân	12.792 đồng/cổ phần

Giá đấu thành công bình quân của QNP tại buổi đấu giá bán cổ phần ngày 12/09/2013 là **12.792 đồng/cổ phần**.

Giá tham khảo theo các phương pháp

Công ty thực hiện các Phương pháp so sánh P/E và Phương pháp so sánh P/B trên cơ sở so sánh với các công ty đã niêm yết/đăng ký giao dịch. Trong khi đó cổ phiếu QNP được niêm yết lần đầu nên sẽ có sự khác biệt về mặt thanh khoản so với các cổ phiếu được so sánh. Vì vậy mức giá tính theo Phương pháp so sánh P/E và Phương pháp so sánh P/B sẽ được Công ty áp dụng tỷ lệ điều chỉnh 50% so với mức giá ban đầu.

Phương pháp định giá	Giá trị (đồng/cp)	Tỷ lệ điều chỉnh	Giá trị sau điều chỉnh (đồng/cp)
Phương pháp giá trị sổ sách	21.095	-	21.095
Phương pháp so sánh P/E	51.300	50%	25.650
Phương pháp so sánh P/B	33.752	50%	16.876
Giá đấu thành công bình quân	12.792	-	12.792
Trung bình các phương pháp	**29.735**		**19.103**

Công ty thực hiện xác định giá cổ phiếu QNP theo các phương pháp trên để nhà đầu tư có thể tham khảo. Giá niêm yết tham khảo theo trung bình các phương pháp hiện tại là **19.103 đồng/cổ phiếu**. Về giá niêm yết chính thức trên Sở GDCK Hồ Chí Minh, HĐQT CTCP Cảng Quy Nhơn sẽ có Công văn thông qua giá niêm yết chính thức để gửi Sở GDCK Hồ Chí Minh kể từ thời điểm nhận được Quyết định niêm yết.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính Phủ (có hiệu lực ngày 01/01/2021) và Thông tư 51/2021/TT-BTC ban hành ngày 30/06/2021 (có hiệu lực từ 16/08/2021) hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Vì vậy, khi được phép giao dịch niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 10/05/2021, nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ cổ phiếu tại CTCP Cảng Quy Nhơn là 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ. Công ty cũng đã làm thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Cảng Quy Nhơn đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã được chấp thuận. Theo đó, căn cứ vào công văn số 1428/UBCK-PTTT ngày 23/03/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại QNP được xác định là 0%.

Trường hợp các quy định về việc giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông nước ngoài có thay đổi, Công ty cam kết sẽ tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 0%, 5%, 8% và 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hiện tại, Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định với mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Theo thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế**: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

  Giá bán chứng khoán được xác định như sau:

  - Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán công bố.
  - Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Sở giao dịch chứng khoán.
  - Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm bán.
  - Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá bán chuyển hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

  Giá mua chứng khoán được xác định như sau:

  - Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.

- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
- Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
- Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.

Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định, bao gồm:

- Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
- Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
- Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
- Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
- Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.

➢ **Thuế và cách tính thuế:**

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
  - Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31/3/2009.
  - Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31/12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.

- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Các tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

  Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

  Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

  Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

  Các tính thuế phải nộp như sau:

  Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

➢ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 8,9 Toà nhà Thái Holdings, 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669
Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Năm 2018: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VACO

Địa chỉ : Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (024) 3577 0781 Fax: (024) 3577 0787
Website : www.vaco.com.vn

Năm 2019: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 5, Tháp B2 Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 5678 3999 Fax: (024) 5678 3999
Website : www.uhy.vn

Năm 2020-2022: Công ty TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 8241990 Fax: (024) 8253973
Website : www.aasc.com.vn

Năm 2023: Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 5, Tháp B2 Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 5678 3999 Fax: (024) 5678 3999
Website : www.uhy.vn

PHẦN 7. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao y Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty năm 2023;
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan tới tổ chức niêm yết
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính
   - Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2021;
   - Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2022;
   - Báo cáo tài chính Công ty hợp nhất và báo cáo tài chính riêng 6 tháng năm 2023 đã được soát xét;
   - Báo cáo tài chính Công ty hợp nhất và báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2023.

Bình Định, ngày 26 tháng 12 năm 2023

Đại diện tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Dũng

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Lê Hồng Quân

Trưởng Ban Kiểm soát

Đỗ Tuấn Nam

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Toàn

Đại diện tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Xuân Anh